

Số: 1590/QĐ-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 6 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành bản mô tả chương trình đào tạo ngành Y khoa trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định 31/CP ngày 4/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Đại học Thái Nguyên về việc Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định 560/QĐ-ĐHYD, ngày 06/4/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT, ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Y khoa trình độ đại học (nội dung kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng các khoa, phòng chức năng và bộ môn liên quan tổ chức xây dựng đề cương chi tiết các học phần/module thuộc chương trình đào tạo; áp dụng từ năm học 2018-2019.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các khoa, phòng chức năng, bộ môn căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT.



PGS. TS Trịnh Xuân Tráng

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH Y KHOA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1590/QĐ-ĐHYD ngày 6 tháng 9 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Y khoa trình độ đại học được xây dựng nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đại học, thực hiện các chương trình đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam. Chương trình đào tạo ngành Y khoa trình độ đại học được kế thừa từ chương trình đào tạo trước đó và được bổ sung, phát triển để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục đại học, của người học và của các bên liên quan.

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên

2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên

3. Tên chương trình đào tạo: Ngành Y khoa trình độ đại học

4. Thông tin chi tiết về các chứng nhận kiểm định được cấp bởi các tổ chức nghề nghiệp hay cơ quan có thẩm quyền: Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường đại học cao đẳng Việt Nam.

5. Trình độ đào tạo: Đại học

6. Ngành đào tạo: Y khoa

7. Mã ngành đào tạo: 7720101

8. Thời gian đào tạo: 6 năm

9. Danh hiệu văn bằng: Bác sĩ Y khoa

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo Bác sĩ y khoa có y đức, có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức Y học cơ sở vững chắc, kiến thức và kỹ năng cơ bản về Y học lâm sàng và cộng đồng, kết hợp được Y học hiện đại với Y học cổ truyền, có khả năng tự học vươn lên, đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

III. CHUẨN ĐẦU RA

Yêu cầu về kiến thức

1. Vận dụng được các kiến thức về kinh tế, văn hóa - xã hội, đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
2. Vận dụng được những kiến thức về khoa học cơ bản, y dược học cơ sở, y tế công cộng và y học lâm sàng trong cung cấp các dịch vụ y tế cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.
3. Vận dụng được kiến thức y học cổ truyền, kết hợp với y học hiện đại trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
4. Vận dụng được phương pháp luận nghiên cứu khoa học, ngoại ngữ và công nghệ thông tin trong thực hành nghề nghiệp.

Yêu cầu về kỹ năng

Kỹ năng cứng

5. Chẩn đoán, điều trị, xử trí, theo dõi và dự phòng được các bệnh thường gặp.
6. Phát hiện và xử trí được các trường hợp cấp cứu thông thường.
7. Phát hiện được những ca bệnh vượt quá khả năng chuyên môn của bản thân và cơ sở chăm sóc y tế để chuyển tuyến kịp thời.
8. Chỉ định và phân tích được kết quả một số xét nghiệm, kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp.
9. Thực hiện được một số thủ thuật về lâm sàng và cận lâm sàng cơ bản.
10. Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên.
11. Phát hiện được dịch bệnh và đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp nhằm chăm sóc bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.
12. Thực hiện được các kỹ năng giáo dục sức khỏe để bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng và bảo vệ môi trường.
13. Kê đơn thuốc đúng nguyên tắc, an toàn, hợp lý, hợp pháp và hiệu quả.
14. Phát hiện và xử trí được các tai biến và tình trạng bất lợi đe dọa đến tính mạng người bệnh.
15. Thu thập, quản lý và sử dụng được các thông tin liên quan đến chăm sóc sức khỏe người bệnh và cộng đồng.
16. Sử dụng được y học cổ truyền và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc để điều trị, dự phòng và phục hồi chức năng một số bệnh thông thường.

Kỹ năng mềm

17. Tạo lập được mối quan hệ thân thiện, hợp tác và giao tiếp có hiệu quả với người bệnh, người nhà bệnh nhân và cộng đồng.
18. Cung cấp được các thông tin liên quan đến sức khỏe và bệnh tật cho người bệnh, gia đình người bệnh và đồng nghiệp.
19. Phân tích được những diễn biến tâm lý của người bệnh và gia đình người bệnh trong điều kiện bình thường và khi có bệnh.
20. Áp dụng được các phương pháp tâm lý để tạo ra sự đồng thuận và hợp tác của người bệnh và gia đình đối với các quyết định chẩn đoán và điều trị.
21. Phối hợp tốt với đồng nghiệp và cộng đồng để triển khai các hoạt động nghề nghiệp.
22. Đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.
23. Sử dụng được một số phần mềm để soạn thảo văn bản, tính toán, thuyết trình (Microsoft Office...), xử lý và phân tích số liệu (Epi, SPSS...).

24. Tự đánh giá được năng lực bản thân và xác định rõ mục tiêu và nguyện vọng phát triển nghề nghiệp.

Yêu cầu về thái độ

25. Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân.
26. Tôn trọng, cảm thông, chia sẻ và hết lòng phục vụ người bệnh.
27. Tôn trọng, chân thành và hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.
28. coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền.
29. Tôn trọng luật pháp, tuân thủ đúng các qui định, yêu cầu nghề nghiệp.
30. Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.
31. Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa, phong tục tập quán của cộng đồng các dân tộc và quyền con người trong hoạt động nghề nghiệp.

IV. VỊ TRÍ LÀM VIỆC CỦA NGƯỜI HỌC SAU TỐT NGHIỆP

1. Các cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu về y tế.
2. Các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập.
3. Các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực y tế.

V. KHẢ NĂNG HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI RA TRƯỜNG

1. Bác sĩ nội trú.
2. Bác sĩ chuyên khoa cấp I.
3. Thạc sĩ y học.
4. Tiến sĩ y học.

VI. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

1. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành.

- **Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.

- **Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Mã tổ hợp xét tuyển	Tổ hợp bài thi/môn thi để xét tuyển	Môn chính
1	7720101	Y khoa	300	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Toán

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT)

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Tổ chức tuyển sinh:** Theo quy định tại Quy chế tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh của Bộ GDĐT.

- Chính sách ưu tiên

+ *Chính sách ưu tiên theo khu vực và đối tượng:* Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ *Các đối tượng được xét tuyển thẳng:*

Điều kiện tuyển thẳng

Những thí sinh đạt giải Nhất, Nhì và Ba trong cuộc thi chọn học sinh giỏi Quốc gia môn Toán, Hóa, Sinh và đã tốt nghiệp THPT được tuyển thẳng vào ngành: Y khoa, Răng Hàm Mặt, Điều dưỡng, Y học dự phòng, Kỹ thuật xét nghiệm y học.

Những thí sinh đạt giải Nhất, Nhì và Ba trong cuộc thi chọn học sinh giỏi Quốc gia môn Toán, Hóa, Lý và đã tốt nghiệp THPT được tuyển thẳng vào ngành: Dược học.

Ưu tiên xét tuyển (Áp dụng cho các thí sinh không đạt điều kiện tuyển thẳng hay không dùng điều kiện tuyển thẳng)

Thí sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc Gia môn Toán, Hóa, Sinh được cộng điểm thưởng vào tổng điểm 03 bài thi/môn thi Toán, Hóa học, Sinh học đối với các ngành Y khoa, Răng Hàm Mặt, Điều dưỡng, Y học dự phòng, Kỹ thuật xét nghiệm y học.

Thí sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc Gia môn Toán, Hóa, Lý được cộng điểm thưởng vào tổng điểm 03 bài thi/môn thi Toán, Hóa học, Vật lý đối với ngành Dược học.

*** Mức điểm thưởng: đạt giải Nhất cộng 3,0 điểm, đạt giải Nhì cộng 2,0 điểm, đạt giải Ba cộng 1,0 điểm.**

4. Quy trình đào tạo

- Quy chế đào tạo sử dụng là quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, tạo điều kiện để sinh viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

- Chương trình đào tạo được thiết kế 12 học kỳ tương ứng với 6 năm học, gồm 187 tín chỉ. Trong đó thời gian học tập chính thức 6 năm, thời gian học tập tối thiểu 5 năm và thời gian học tập tối đa 9 năm.

- Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ chính khoảng 18 tuần học, 3 tuần thi, và học kỳ phụ khoảng 6 tuần.

5. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

- Được công nhận là SV hệ chính quy tập trung của Trường theo đúng ngành cấp bằng;
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Tích lũy đủ số học phần và số TC quy định trong chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất;
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ.

VI. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

Về cơ cấu tổ chức Nhà trường gồm có 09 phòng chức năng, 7 khoa trực thuộc trường (trong đó có 50 bộ môn trực thuộc khoa); 4 Bộ môn trực thuộc trường. Đội ngũ cán bộ của Nhà trường trưởng thành cả về số lượng và chất lượng. Hiện tại, Nhà

trường có 486 cán bộ viên chức; trong đó có 331 giảng viên cơ hữu, bao gồm 22 Giáo sư và Phó giáo sư; 59 Tiến sĩ và Chuyên khoa II; 210 Thạc sĩ, 7 Chuyên khoa I và Bác sĩ nội trú. Tỷ lệ cán bộ có trình độ Sau đại học đạt 61,32%; số giảng viên thỉnh giảng là 130. Trường luôn chú trọng phát triển đội ngũ, bồi dưỡng cán bộ có trình độ chuyên sâu, năm 2018 có 25 cán bộ được cử đi đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ trong và ngoài nước.

Hiện tại nhà trường có tổng số 38 phòng thí nghiệm, phòng thực hành với diện tích xây dựng là 11.796 m². Các phòng thực hành này được sử dụng cho sinh viên ngành Y khoa và một số ngành đào tạo khác. Các khoa/bộ môn tham gia đào tạo Bác sĩ Y khoa như KHCB, YHCS, YTCC, Dược, Điều dưỡng đều có phòng thí nghiệm, thực hành với trang thiết bị, máy móc hiện đại để phục vụ cho đào tạo và NCKH của GV và SV. Ngoài ra, tại các bệnh viện thực hành đều có các khoa chuyên khoa sâu với nhiều trang thiết bị hiện đại và lượng bệnh nhân đông như Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên và Bệnh viện A Thái Nguyên.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống phòng làm việc cho các phòng chức năng, các khoa, các bộ môn trực thuộc Trường và trực thuộc khoa. Toàn bộ diện tích các công trình xây dựng được sử dụng chung cho tất cả các CTĐT của Trường bao gồm: Tổng diện tích sàn xây dựng của Trường là 34845 m², trong đó giảng đường và phòng học có 10.549 m², 01 phòng học đa phương tiện với diện tích 120 m², hội trường và thư viện 1.365 m², bệnh viện thực hành tại trường có 28 phòng với 1.358 m², nhà làm việc 8.773 m², diện tích học tập thể dục thể thao 2.319 m², các công trình phụ trợ 2.709 m². Hệ thống phòng học lý thuyết của Trường tại các khu giảng đường A, B, C được trang bị đủ thiết bị hỗ trợ giảng dạy: máy chiếu, hệ thống âm thanh, ánh sáng và thông gió và lắp đặt các thiết bị an toàn, phòng chống cháy nổ. Số lượng phòng học đáp ứng đủ nhu cầu đào tạo của tất cả các CTĐT, sinh viên hầu như không phải học ngoài giờ và ngày nghỉ.

VII. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra của sinh viên, thiết kế chuẩn đầu ra học phần/module. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá, tài liệu dạy học. Sau khi kết thúc môn học tiến hành đánh giá môn học và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.

Các phương pháp dạy học

- Phương pháp giảng dạy lấy sinh viên làm trung tâm.
- Hình thức giảng dạy: giảng dạy trực tiếp, trực tuyến.
- Phương pháp giảng dạy: thuyết trình, thảo luận nhóm, ca lâm sàng, câu hỏi clicker, TBL, trình diễn mẫu, nghiên cứu tình huống, giảng bên giường bệnh, cầm tay chỉ việc, bảng kiểm....phù hợp với giảng lý thuyết/lâm sàng, giúp sinh viên dần tiếp cận với việc áp dụng kiến thức vào giải quyết tình huống cụ thể.

Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm 1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan nhằm đạt được chuẩn đầu ra của môn học, chương trình đào tạo.

- Có nhiều hình thức hỗ trợ sinh viên trong nhiệm vụ rèn luyện đạo đức, tác phong và kỹ năng của một người bác sĩ.

- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của GV, về chương trình đào tạo.

- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

VIII. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá sinh viên dựa trên chuẩn đầu ra học phần/module, và chuẩn đầu ra môn học phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá sinh viên bao gồm kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần/module và thi kết thúc học phần/module. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích tình huống, OSCE... Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, sinh viên được thực hiện theo quy định của Trường.

IX. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Cấu trúc chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ,... rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình cũng đảm bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

1. Cấu trúc kiến thức của chương trình

TT	Khối lượng học tập	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.	<i>Khối kiến thức giáo dục đại cương</i>		
	Các học phần/môn học chung	19	10,16
	Các học phần/môn học khoa học cơ bản	23	12,3
2.	<i>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</i>		
	Các học phần/module cơ sở ngành	60	32,09
	Các học phần/module chuyên ngành	79	42,25

TT	Khối lượng học tập	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ %
	Học phần thực tập tốt nghiệp	4	2,14
3.	Các học phần tự chọn	2	1,07
	Khối lượng kiến thức toàn khóa	187	100

- 01 tín chỉ tương đương 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thực tập tại các phòng thí nghiệm, 45 tiết thực tập tại bệnh viện, 60 tiết thực tập cộng đồng, giáo dục quốc phòng.

2. Danh mục các học phần/môn học/module bắt buộc

2.1. Phần giáo dục đại cương

STT	Tên học phần/ môn học	Tổng số tín chỉ
Các học phần/môn học chung		
1.	Giáo dục quốc phòng	4
2.	Giáo dục thể chất 1	2
3.	Giáo dục thể chất 2	1
4.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2
5.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3
6.	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3
7.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
8.	Pháp luật đại cương	2
	Tổng	19
Các học phần/môn học khoa học cơ bản		
9.	Di truyền y học	2
10.	Hóa học	1
11.	Vật lý - Lý sinh y học	2
12.	Xác suất thống kê trong y học	2
13.	Tin học đại cương	2
14.	Tiếng Anh 1	1
15.	Tiếng Anh 2	1
16.	Tiếng Anh 3	2
17.	Tiếng Anh 4	2
18.	Tiếng Anh 5	1
19.	Tiếng Anh 6	1
20.	Tiếng Anh 7	1
21.	Tiếng Anh 8	1
22.	Tiếng Anh 9	1
23.	Tiếng Anh 10	1
24.	Tiếng Anh 11	2
	Tổng	23

2.2. Các học phần/module cơ sở ngành

STT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ
25.	Sinh học phát triển: Sinh học tế bào – Phôi thai học	1
26.	Module 1: Y cơ sở 1	

STT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ
	Giải phẫu người	3
	Mô đại cương	1
	Giải phẫu bệnh đại cương	1
27.	Module 2: Y cơ sở 2	
	Sinh lý đại cương	1
	Sinh lý bệnh đại cương	1
	Hóa sinh đại cương	2
	Dược lý đại cương	1
28.	Module 3: Y cơ sở 3	
	Miễn dịch đại cương	2
	Vi sinh - Ký sinh trùng đại cương	2
29.	Module 4: Hệ tạo máu	2
30.	Module 5: Hệ tim mạch	2
31.	Module 6: Hệ hô hấp	2
32.	Module 7: Thực hành y khoa 1	2
33.	Module 8: Hệ tiêu hóa	2
34.	Module 9: Hệ tiết niệu	2
35.	Module 10: Hệ Da - Cơ - Xương	2
36.	Module 11: Thực hành y khoa 2	2
37.	Module 12: Hệ Nội tiết - Sinh sản - Chuyển hóa	2
38.	Module 13: Hệ thần kinh	2
39.	Module 14: Thực hành y khoa 3	2
40.	Dinh dưỡng – An toàn thực phẩm	2
41.	Tổ chức quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia – Dân số	2
42.	Truyền thông giáo dục và nâng cao sức khỏe	2
43.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
44.	Sức khỏe môi trường – Sức khỏe nghề nghiệp	2
45.	Dịch tễ	2
46.	Dược Lâm sàng	2
47.	Chẩn đoán hình ảnh	2
48.	Kinh tế y tế- Bảo hiểm y tế	2
49.	Tính chuyên nghiệp 1	1
50.	Tính chuyên nghiệp 2	1
51.	Tính chuyên nghiệp 3	1
52.	Thực tập cộng đồng	2
	Tổng	60

2.3. Các học phần/module chuyên ngành

STT	Tên học phần/ môn học	Tổng số tín chỉ
53.	Nội cơ sở lý thuyết	2
54.	Nội cơ sở thực hành	2
55.	Ngoại cơ sở lý thuyết	2
56.	Ngoại cơ sở thực hành	2
57.	Nội bệnh lý lý thuyết 1	3
58.	Nội bệnh lý thực hành 1	4

STT	Tên học phần/ môn học	Tổng số tín chỉ
59.	Ngoại bệnh lý lý thuyết 1	3
60.	Ngoại bệnh lý thực hành 1	4
61.	Sản phụ khoa lý thuyết 1	3
62.	Sản phụ khoa thực hành 1	4
63.	Nhi khoa lý thuyết 1	3
64.	Nhi khoa thực hành 1	4
65.	Da liễu	2
66.	Mắt	2
67.	Răng hàm mặt	2
68.	Tai mũi họng	2
69.	Thần kinh	2
70.	Ung thư	2
71.	Lao và Bệnh phổi	2
72.	Phục hồi chức năng	2
73.	Sức khỏe tâm thần	2
74.	Y học cổ truyền	2
75.	Truyền nhiễm	2
76.	Nội bệnh lý lý thuyết 2	2
77.	Nội bệnh lý thực hành 2	4
78.	Sản phụ khoa lý thuyết 2	2
79.	Sản phụ khoa thực hành 2	3
80.	Ngoại bệnh lý lý thuyết 2	2
81.	Ngoại bệnh lý thực hành 2	3
82.	Nhi khoa lý thuyết 2	2
83.	Nhi khoa thực hành 2	3
84.	Thực tập tốt nghiệp	4
	Tổng	83

3. Các học phần tự chọn

STT	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ
	<i>Phần chuyên ngành (2 học phần chọn 1)</i>	
85	Gây mê hồi sức	2
86	Pháp y	2
	Tổng	4

3. Mã học phần/module/môn học và phân bố theo học kỳ

TT	Mã số	Tên học phần/module/môn học	Số tín chỉ	HP/Module tiên quyết	Học kỳ
NĂM 1					
1	MPH121	Vật lý – Lý sinh y học	2		1
2	CHE111	Hóa học	1		1
3	MGE121	Di truyền y học	2		1
4	BDE211	Sinh học phát triển: Sinh học tế bào - Phôi thai học	1		1
5	PRO121	Xác suất thống kê trong y học	2		1

TT	Mã số	Tên học phần/module/môn học	Số tín chỉ	HP/Module tiên quyết	Học kỳ
6	GIF121	Tin học	2		1
7	ENG111	Ngoại ngữ 1	1		1
8	MIE141	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	4		1
9	MED251	Module 1: Y cơ sở 1			2
	BANA231	1. Giải phẫu người	3		
	HIS211	2. Mô đại cương	1		
	APA211	3. Giải phẫu bệnh đại cương	1		
10	MED252	Module 2: Y cơ sở 2			2
	PHI211	1. Sinh lý đại cương	1		
	PPA211	2. Sinh lý bệnh đại cương	1		
	BBIC221	3. Hóa sinh đại cương	2		
11	PHA211	4. Dược lý	1		
	MED243	Module 3: Y cơ sở 3			2
	BIMU221	1. Miễn dịch đại cương	2		
	BMIP221	2. Vi sinh – ký sinh trùng đại cương	2		
12	PRO211	Tính chuyên nghiệp 1	1		2
13	ENG112	Ngoại ngữ 2	1		2
NĂM 2					
14	HEM221	Module 4: Hệ tạo máu	2		3
15	CAR221	Module 5: Hệ tim mạch	2		3
16	RES221	Module 6: Hệ hô hấp	2		3
17	POM221	Module 7: Thực hành y khoa 1	2		3
18	ENG123	Ngoại ngữ 3	2		3
19	NFS421	Dinh dưỡng – An toàn thực phẩm	2		3
20	PHE121	Giáo dục thể chất 1	2		3
21	MLP121	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lê Nin 1	2		3
22	DIG221	Module 8: Hệ tiêu hóa	2		4
23	URI221	Module 9: Hệ tiết niệu	2		4
24	SMB221	Module 10: Hệ Da - Cơ - Xương	2		4
25	POM222	Module 11: Thực hành y khoa 2	2		4
26	ENG124	Ngoại ngữ 4	2		4
27	HMP421	Tổ chức quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia – Dân số	2		4
28	PHE112	Giáo dục thể chất 2	1		4
NĂM 3					
29	ERM221	Module 12: Hệ Nội tiết - Sinh sản - Chuyển hóa	2		5
30	NER221	Module 13: Hệ thần kinh	2		5
31	POM223	Module 14: Thực hành y khoa 3	2		5
32	COM421	Truyền thông giáo dục và nâng cao sức khỏe	2		5
33	RME221	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		5
34	ENG115	Ngoại ngữ 5	1		5
35	MLP132	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lê Nin 2	3	MLP121	5
36	EOH421	Sức khỏe môi trường – Sức khỏe nghề nghiệp	2		5
37	IME321	Nội cơ sở lý thuyết	2	POM221,	6
38	IME322	Nội cơ sở thực hành	2	POM222,	6

TT	Mã số	Tên học phần/module/môn học	Số tín chỉ	HP/Module tiên quyết	Học kỳ
39	SUR321	Ngoại cơ sở lý thuyết	2	POM223	6
40	SUR322	Ngoại cơ sở thực hành	2		6
41	PRO212	Tính chuyên nghiệp 2	1		6
42	EPI431	Dịch tễ	2	BMIP221	6
43	CPH221	Dược Lâm sàng	2		6
44	ENG116	Ngoại ngữ 6	1		6
45	BLW121	Pháp luật đại cương	2		6
NĂM 4					
46	IME333	Nội bệnh lý lý thuyết 1	3	IME321, IME322	7
47	IME344	Nội bệnh lý thực hành 1	4		7
48	SUR333	Ngoại bệnh lý lý thuyết 1	3	SUR321, SUR322	7
49	SUR344	Ngoại bệnh lý thực hành 1	4		7
50	ENG117	Ngoại ngữ 7	1		7
51	OGY331	Sản phụ khoa lý thuyết 1	3	POM221, POM222, POM223	8
52	OGY342	Sản phụ khoa thực hành 1	4		8
53	PED331	Nhi khoa lý thuyết 1	3		8
54	PED342	Nhi khoa thực hành 1	4		8
55	PRO213	Tính chuyên nghiệp 3	1		8
56	ENG118	Ngoại ngữ 8	1		8
57	HEI421	Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế	2		8
58	VCP131	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	MLP132	
NĂM 5					
59	IDI221	Chẩn đoán hình ảnh	2	IME333, IME344, SUR333, SUR344, OGY331, OGY342, PED331, PED342	9
60	DER321	Da liễu	2		9
61	OPH321	Mắt	2		9
62	TJF321	Răng hàm mặt	2		9
63	ENT321	Tai mũi họng	2		9
64	NEU321	Thần kinh	2		9
65	ONC321	Ung thư	2		9
66	Chọn 1 trong 2 học phần				
	ANE521	Gây mê hồi sức	2		
	FME521	Pháp y	2		
67	ENG119	Ngoại ngữ 9	1		9
68	TPD321	Lao và Bệnh phổi	2	IME333, IME344, SUR333, SUR344, OGY331, OGY342, PED331, PED342	10
69	REH321	Phục hồi chức năng	2		10
70	PSY321	Sức khỏe tâm thần	2		10
71	TME321	Y học cổ truyền	2		10
72	INF321	Truyền nhiễm	2	EPI431, IME333, IME344, SUR333, SUR344, OGY331,	10

TT	Mã số	Tên học phần/module/môn học	Số tín chỉ	HP/Module tiên quyết	Học kỳ
				OGY342, PED331, PED342	
73	COP421	Thực tập cộng đồng	2	NFS421, HMP421, COM421, EOH421, EPI431	10
74	ENG1110	Ngoại ngữ 10	1		10
NĂM 6					
75	IME325	Nội bệnh lý lý thuyết 2	2	IME333,	11
76	IME346	Nội bệnh lý thực hành 2	4	IME344	11
77	OGY323	Sản phụ khoa lý thuyết 2	2	OGY331,	11
78	OGY334	Sản phụ khoa thực hành 2	3	OGY342	11
79	SUR325	Ngoại bệnh lý lý thuyết 2	2	SUR333,	11
80	SUR336	Ngoại bệnh lý thực hành 2	3	SUR344	11
81	PED323	Nhi khoa lý thuyết 2	2	PED331,	11
82	PED334	Nhi khoa thực hành 2	3	PED342	11
83	ENG1211	Ngoại ngữ 11	2		11
84	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	MLP132	11
85	COP341	Thực tập tốt nghiệp	4	Tất cả các HP	12

4. Mức độ đóng góp của các học phần/module để đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mức độ đóng góp của học phần so với CDR: 1 Thấp; 2 Vừa; 3 Cao

TT	Tên học phần	Mã học phần	Chuẩn đầu ra																																
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31		
1.	Giáo dục quốc phòng	MIE141	1																																
2.	Giáo dục thể chất 1	PHE131	1																																
3.	Giáo dục thể chất 2	PHE132	1																																
4.	Vật lý- lý sinh y học	BAS131	3																																
5.	Hóa học	CHE111	3																																
6.	Di truyền y học	MGE121	2																																
7.	Sinh học phát triển	BDE211	3																																
8.	Tin học	GIF121		1		2																			3										
9.	Giải phẫu người	BME251		1						1																									
10.	Mô đại cương	BANA231		1						1	1																								
11.	Giải phẫu bệnh đại cương	HIS211		1						1	1																								
12.	Sinh lý đại cương	PHI211		1						1	1																								
13.	Sinh lý bệnh đại cương	PPA211		1						1	1																								
14.	Hóa sinh đại cương	BBIC221		1						1	1																								
15.	Dược lý đại cương	PHA211		1						1																									
16.	Miễn dịch đại cương	BIMU221		1						1	1																								
17.	Vi sinh – KST đại cương	BMIP221		1						1	1																								
18.	Ngoại ngữ 1	ENG111				1																		1											
19.	Module 4: Hệ tạo máu	HEM221		2						2	2												2			1									
20.	Module 5: Hệ tim mạch	CAR221		2						2	2												2			1									
21.	Module 6: Hệ hô hấp	RES221		2						2	2												2			1									
22.	Module 7: Thực hành YK1	POM221						1			1									1	1	1													
23.	Xác suất thống kê	PSM121		1	2										1										3										
24.	Ngoại ngữ 2	ENG112				1																		1									3		
25.	Tinh chuyên nghiệp 1	PRO 211		1																1	1	1													
26.	Pháp luật đại cương	BLA121	3																															3	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Chuẩn đầu ra																																	
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31			
27.	Ngoại ngữ 3	ENG123				1																		1												
28.	Những nguyên lý CB của chủ nghĩa Mac – Lênin 1	MLP121		1					1																											
29.	Module 8: Hệ tiêu hóa	DIG221		2					2	2													2			1										
30.	Module 9: Hệ tiết niệu	URI221		2					2	2													2			1										
31.	Module 10: Hệ Da - Cơ - Xương	SMB221		2					2	2													2			1										
32.	Module 11: Thực hành YK2	POM222						1		1										1	1	1														
33.	Dinh dưỡng - ATTP	NFS421		1																																
34.	Tổ chức QLYT-Chương trình YT QG - Dân số	HMP421	1	1																	1															
35.	Module 12: Hệ Nội tiết - Sinh sản - Chuyển hóa	ERM231		2					2	2													2			1										
36.	Module 13: Hệ thần kinh	NER221		2					2	2													2			1										
37.	Module 14: Thực hành YK3	POM223						1		1										1	1	1														
38.	Những nguyên lý CB của chủ nghĩa Mac – Lênin 2	MLP132																																		
39.	Truyền thông giáo dục và nâng cao sức khỏe	CEH421		1								3		3							1	1	1	2				1	1	1					3	
40.	Ngoại ngữ 4	ENG124				1																		1												
41.	Sức khỏe môi trường - Sức khỏe nghề nghiệp	EOH421		1								1	1	1			1					1														
42.	Tính chuyên nghiệp 2	PRO212		2								2		2						2	2	2	2					1	2							
43.	Nội cơ sở lý thuyết	IM321		2	1		2	2	2	2	1			1		2					2	2	2				1	1	1	1						
44.	Nội cơ sở thực hành	IME322				3	3	3	3	2			2		3						3	3	3				2	2	2	2						
45.	Ngoại cơ sở lý thuyết	SUR321		2	1		2	2	2	2	1			1		2						2	2	2				1	1	1	1					

TT	Tên học phần	Mã học phần	Chuẩn đầu ra																																
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31		
46.	Ngoại cơ sở thực hành	SUR322					3	3	3	3	2		2		3				3	3	3				2	2	2	2							
47.	Chẩn đoán hình ảnh	IDI221		1			1		1	2																									
48.	Gây mê hồi sức	ANE521		2			1	1	1																										
49.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	MSR121				3										1								2									2		
50.	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	VCP131	2																																
51.	Ngoại ngữ 5	ENG115				2																		2											
52.	Nội bệnh lý lý thuyết 1	IME333					3	3	3	3	2		2		3					3	3	3				2	2	2	2						
53.	Nội bệnh lý thực hành 1	IME344					3	3	3	3	2		2		3					3	3	3				2	2	2	2						
54.	Ngoại bệnh lý lý thuyết 1	SUR333		2	1		2	2	2	2	1		1		2					2	2	2				1	1	1	1						
55.	Ngoại bệnh lý thực hành 1	SUR344					3	3	3	3	2		2		3					3	3	3				2	2	2	2						
56.	Sản phụ khoa lý thuyết 1	OGY331		2	1		2	2	2	2	1		1		2					2	2	2				1	1	1	1						
57.	Sản phụ khoa thực hành 1	OGY342					3	3	3	3	2		2		3					3	3	3				2	2	2	2						
58.	Ngoại ngữ 6	ENG116				2																		2											
59.	Dịch tễ	EPI421		1								3				1																			
60.	Tính chuyên nghiệp 3	PRO213	2		2															2	2	2	2				2	2				2			
61.	Nhi khoa lý thuyết 1	PED331		2	1		2	2	2	2	1		1		2					2	2	2				1	1	1	1						
62.	Nhi khoa thực hành 1	PED342					3	3	3	3	2		2		3					3	3	3				2	2	2	2						
63.	Ngoại ngữ 7	ENG117				2																		2											
64.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM121	3																								2	1							1
65.	Da liễu	DER321		2			2			1	1		1	1	1	1	1			1	1	1	1				1	1	1						
66.	Thần kinh	NEU321		2			2			1	1		1	1	1	1	1			1	1	1	1				1	1	1						
67.	Sức khỏe tâm thần	PSY321		2			2			1	1		1	1	1	1	1			1	1	1	1				1	1	1						
68.	Y học cổ truyền	TME321		2	2		2			1	1		1	1	1	1	1			1	1	1	1				1	1	1						
69.	Lao và Bệnh phổi	TPD321		2			2			1	1		1	1	1	1	1			1	1	1	1				1	1	1						

TT	Tên học phần	Mã học phần	Chuẩn đầu ra																																
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31		
70.	Mắt	OPH321		2			2			1	1			1	1	1	1	1		1	1	1	1				1	1	1						
71.	Răng hàm mặt	OST321		2			2			1	1			1	1	1	1	1		1	1	1	1				1	1	1						
72.	Tai mũi họng	OTO321		2			2			1	1			1	1	1	1	1		1	1	1	1				1	1	1						
73.	Ung thư	ONC321		2			2			1	1			1	1	1	1	1		1	1	1	1				1	1	1						
74.	Ngoại ngữ 8	ENG118				2																		2											
75.	Phục hồi chức năng	REH321		2	2		2			1	1			1	1	1	1	1		1	1	1	1				1	1	1						
76.	Pháp y	FME521		2			2			1	1			1	1	1	1	1		1	1	1	1				1	1	1						
77.	Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế	MEI421	1	1											1																		1		
78.	Dược lâm sàng	CPH221		2			1	3	1						3																				
79.	Truyền nhiễm	INF321		2	2		2			1	1			1	1	1	1	1		1	1	1	1				1	1	1						
80.	Ngoại ngữ 9	ENG119				2																		2											
81.	Ngoại ngữ 10	ENG110				2																		2										1	
82.	Nội bệnh lý lý thuyết 2	IME332		2	1		2	2	2	2	1			1		2				2	2	2				1	1	1	1			1			
83.	Nội bệnh lý thực hành 2	IME325					3	3	3	3	2			2		3				3	3	3				2	2	2	2						
84.	Ngoại bệnh lý lý thuyết 2	SUR346		2	1		2	2	2	2	1			1		2				2	2	2				1	1	1	1						
85.	Ngoại bệnh lý thực hành 2	SUR336					3	3	3	3	2			2		3				3	3	3				2	2	2	2						
86.	Sản phụ khoa lý thuyết 2	OGY323		2	1		2	2	2	2	1			1		2				2	2	2				1	1	1	1						
87.	Sản phụ khoa thực hành 2	OGY334					3	3	3	3	2			2		3				3	3	3				2	2	2	2						
88.	Nhi khoa lý thuyết 2	PED323		2	1		2	2	2	2	1			1		2				2	2	2				1	1	1	1						
89.	Nhi khoa thực hành 2	PED334					3	3	3	3	2			2		3				3	3	3				2	2	2	2						
90.	Ngoại ngữ 11	ENG1211				2																		3											
91.	Thực tập cộng đồng	COP421	2	3	2	2	3	3	3	3	3	2	2	3	3	2	2	2	2	2	2	2	3	2	2	3	3	3	3	3	2	3	3	3	
92.	Thực tập tốt nghiệp	COP341	2	3	2	2	3	3	3	3	3	2	2	3	3	2	3	2	3	3	3	3	3	2	2	3	3	3	3	3	2	3	3	3	

X. MÔ TẢ NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN/MODULE

1. Học phần Vật lý - Lý sinh y học

Vật lý-Lý sinh là một môn khoa học, sử dụng các kiến thức và quy luật Vật lý để làm sáng tỏ bản chất, cơ chế, động lực của các quá trình sống, nghiên cứu ảnh hưởng và tác động của các tác nhân vật lý lên cơ thể và ứng dụng trong các phương pháp và kỹ thuật y học hiện đại, qua đó giúp người học đánh giá được vai trò và lựa chọn phương pháp điều trị bằng các kỹ thuật có sử dụng tác nhân vật lý trong học tập và thực hành nghề nghiệp sau này. Học phần gồm 2 tín chỉ lý thuyết, trong đó có 5 chương bài lý thuyết tương ứng với 5 mục tiêu kiến thức.

2. Học phần Hóa học

Học phần Hóa học gồm 2 phần: Lý thuyết và thực hành. Sinh viên được học lý thuyết khoa học, bao gồm nhiệt động học và động hóa học, tính chất của dung dịch, dung dịch chất điện li, những tính chất cơ bản của một số kim loại và phi kim, các hợp chất vô cơ, hữu cơ. Phần thực hành tiến hành song song với phần lý thuyết, chứng minh cho lý thuyết. Kết thúc học phần sinh viên có vốn kiến thức cơ bản để học các môn cơ sở ngành như Hóa sinh, Sinh lý,

3. Học phần Di truyền Y học

Học phần Di truyền Y học gồm 02 tín chỉ lý thuyết nhằm cung cấp cho sinh viên học theo chương trình đổi mới Bác sĩ đa khoa những vấn đề cơ bản nhất của di truyền ứng dụng trong Y học, tạo cơ sở để sinh viên học tiếp các môn học của Y học cơ sở và lâm sàng bao gồm các nội dung: Đặc điểm bộ NST của người, đột biến nhiễm sắc thể và bệnh học NST, các quy luật di truyền : Đơn gen, đa gen, đa alen, giới tính. Một số kỹ thuật di truyền ứng dụng trong y học , bất thường bẩm sinh và tư vấn di truyền y học.

4. Học phần Sinh học phát triển

Học phần mô tả về đặc điểm cấu tạo, tái tạo của tế bào, quá trình hình thành, phát triển bình thường các cơ quan của cơ thể người ở thời kỳ phôi thai, giới thiệu các nguyên nhân, cơ chế gây ra các phát triển bất thường để giúp sinh viên và các bác sĩ giải thích các phát triển bất thường, hỗ trợ công tác tư vấn dự phòng, chẩn đoán và điều trị sớm các phát triển bất thường.

5. Học phần xác suất thống kê trong y học

Nội dung học phần gồm 2 phần: phần Xác suất và phần Thống kê.

+ Khi nghiên cứu phần Xác suất sinh viên sẽ hiểu được tường minh kiến thức về phép thử ngẫu nhiên, biến cố, xác suất của biến cố và các công thức tính xác suất. Từ đó sinh viên có thể đưa ra các lập luận logic trong y học. Đồng thời việc nghiên cứu về đại lượng ngẫu nhiên và một số tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên sẽ giúp cho sinh viên định hướng được các bài toán cần nghiên cứu trong y học.

+ Khi nghiên cứu phần Thống kê sinh viên sẽ hiểu về cách giải quyết các bài toán ước lượng, bài toán kiểm định giả thiết, bài toán tương quan và hồi quy. Khi đó sinh viên sẽ biết cách tiếp cận các lưu trữ và hồi cứu các thông tin lâm sàng trong hồ sơ bệnh án (giấy và điện tử), thư viện, các nguồn thông tin trực tuyến một cách phù hợp, đầy đủ, chính xác đảm bảo tính bảo mật và tính pháp lý. Đồng thời sinh viên biết cách

thu thập, đánh giá và sử dụng được các thông tin y học giá trị và đáng tin cậy trong nước và nước ngoài. Từ đó đưa ra được những đánh giá hay kiểm chứng về hiệu quả của các can thiệp y tế dựa trên bằng chứng khoa học.

6. Học phần Tin học

Học phần giúp cung cấp các kiến thức cơ bản, cần thiết về máy tính bao gồm một số kiến thức cơ bản như sau: Hệ điều hành Windows, mạng máy tính Internet, hệ soạn thảo văn bản MS Word, bảng tính MS Excel, trình chiếu MS Powerpoint

Ngoài ra, sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.

7. Module y học cơ sở 1

*** Học phần giải phẫu**

Học phần giải phẫu người sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các danh pháp giải phẫu thông thường, các mặt phẳng quy chiếu giải phẫu để xác định vị trí các cơ quan trong cơ thể người, các chi tiết giải phẫu chính về hình thể, cấu tạo, mạch thần kinh của các cơ quan trong cơ thể người như: cơ quan vận động (hệ xương khớp, hệ cơ, hệ thần kinh), cơ quan dinh dưỡng (hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hoá), cơ quan bài tiết (hệ tiết niệu, hệ nội tiết) và cơ quan sinh sản (hệ sinh dục nam, hệ sinh dục nữ).

Học phần giải phẫu người cũng giúp sinh viên biết cách vận dụng những kiến thức cơ bản của môn học để giải thích các biểu hiện bệnh, cách thăm khám bệnh từ đó hình thành thái độ của sinh viên trong quá trình học kiến thức.

Sinh viên được thực hành trên xác, trên tiêu bản và trên mô hình, tranh ảnh sẽ giúp sinh viên ghi nhớ và chứng minh lại phần kiến thức đã học.

*** Học phần Mô đại cương**

a. Lý thuyết: Học phần nghiên cứu cấu tạo của các mô cơ bản trong cơ thể người ở mức vi thể, siêu vi thể và giải thích sự phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của các mô này, từ đó để sinh viên học các môn y cơ sở khác cũng như lâm sàng. Trong học phần, sinh viên sẽ học 5 loại mô, đó là: Biểu mô, mô Liên kết, mô Cơ, mô Máu, mô Thần kinh.

b. Thực hành: Sinh viên sẽ được hướng dẫn và tự quan sát các tiêu bản dưới kính hiển vi quang học để nhận biết đúng các tiêu bản: biểu mô, mô liên kết, mô cơ, mô máu, mô thần kinh và các thành phần cấu trúc trong các tiêu bản đó. Trong mỗi bài thực hành, sinh viên thực hành sẽ được đánh giá quá trình và cuối mỗi bài thực hành sẽ kiểm tra theo phương pháp chạy trạm OSPE, điểm 02 bài thực hành sẽ chia trung bình chung để lấy điểm kiểm tra giữa học phần.

*** Học phần Giải phẫu bệnh đại cương**

***Lý thuyết:** Giải phẫu bệnh đại cương trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về các phương pháp nghiên cứu của giải phẫu bệnh, những biến đổi của tế bào và mô trong quá trình bệnh lý cũng như các tổn thương viêm và u bằng phương pháp nghiên cứu đại thể và vi thể. Từ đó giúp sinh viên nhận biết được các tổn thương giải phẫu bệnh các hệ cơ quan sẽ học sau này. Đồng thời, môn học này cũng giúp sinh viên biết cách chỉ định các kỹ thuật xét nghiệm giải phẫu bệnh đúng và hiểu được giá

trị của xét nghiệm Giải phẫu bệnh đối với các chuyên khoa, đặc biệt chuyên khoa u bướu.

***Thực hành:** Sinh viên được quan sát các tiêu bản mẫu dưới kính hiển vi về hình ảnh các tổn thương viêm (viêm đặc hiệu, viêm mạn tính, viêm cấp tính, viêm hạt) và u (u lành tính, u ác tính) minh họa cho phần lý thuyết.

8. Module y học cơ sở 2

*** Học phần Sinh lý đại cương**

Học phần sinh lý học đại cương giới thiệu các qui luật hoạt động chung ở mức tế bào đến hoạt động chung của các hệ thống cơ quan nhằm ổn định hằng tính nội môi. Vận dụng kiến thức để giải thích những biểu hiện bình thường và rối loạn trên một số cơ quan: tiêu hóa, tiết niệu, thần kinh - cơ.

*** Học phần Sinh lý bệnh đại cương**

Sinh lý bệnh đại cương là môn học giới thiệu các khái niệm về bệnh, bệnh nguyên và bệnh sinh, đồng thời trang bị những kiến thức về cơ chế bệnh sinh để giải thích các biểu hiện bệnh lý thường gặp trên lâm sàng (mất nước, rối loạn điện giải, phù, viêm, sốt, nhiễm acid-base, rối loạn chuyển hóa glucid - lipid - protein).

*** Học phần Hóa sinh đại cương**

Hóa sinh đại cương là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo và chuyển hóa các chất, nồng độ các chất đó trong cơ thể, cơ chế tạo thành cùng quá trình vận chuyển, thoái hóa các chất, sự trao đổi năng lượng để duy trì sự sống. Hóa sinh đại cương giúp sinh viên phân tích được sự thay đổi, cơ chế của sự thay đổi các chất và lựa chọn được các xét nghiệm hóa sinh cơ bản trong một số bệnh lý thường gặp.

*** Học phần Dược lý đại cương**

Học phần Dược lý đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dược động học, dược lực học, các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc đồng thời đọc và viết đúng tên thuốc cũng như hướng dẫn được cách sử dụng thuốc theo dạng bào chế. Từ những kiến thức cơ bản này góp phần giúp sinh viên học tập tốt hơn các học phần lâm sàng và có thể kê đơn thuốc, hướng dẫn sử dụng thuốc hiệu quả, an toàn và hợp lý sau tốt nghiệp.

9. Module y học cơ sở 3

*** Học phần Vi sinh - Ký sinh trùng đại cương**

Học phần Vi sinh - Ký sinh trùng đại cương giới thiệu đặc điểm cơ bản về hình thái, cấu trúc, sinh sản, phát triển của vi sinh vật (VSV) và ký sinh trùng (KST) gây bệnh; vai trò của VSV và ký sinh trùng trong nhiễm trùng; cơ chế đáp ứng miễn dịch của cơ thể chống vi sinh vật gây bệnh; hiện tượng kháng thuốc của VSV gây bệnh; nguyên lý, nguyên tắc, các phương pháp chẩn đoán, điều trị, kiểm soát và dự phòng bệnh nhiễm trùng.

*** Học phần Miễn dịch đại cương**

Học phần miễn dịch đại cương giới thiệu các cơ quan và tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch, hệ thống miễn dịch không đặc hiệu và miễn dịch đặc hiệu, cách thức cơ thể phản ứng lại các yếu tố có hại thông qua hoạt động của hệ miễn dịch; Cũng

trong học phần này, sinh viên được trang bị kiến thức về một số cơ chế bệnh lý rối loạn miễn dịch thường gặp (quá mẫn, thiếu năng miễn dịch, bệnh tự miễn)

10. Học phần Ngoại ngữ 1

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp các từ vựng chuyên ngành Y liên quan đến các bộ phận của cơ thể người, các từ chỉ dấu hiệu và triệu chứng, và kiểu đau thường gặp, vị trí việc làm ở bệnh viện, môi trường làm việc, trang thiết bị tại các khoa, phòng, những chỉ dẫn trong bệnh viện, đồng thời giới thiệu các cấu trúc-ngữ pháp của thi hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, cấu trúc so sánh. Thông qua các bài học và các tình huống khám chữa bệnh quen thuộc hàng ngày, sinh viên được thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mang tính thực tiễn trong hoạt động nghề nghiệp.

11. Học phần Ngoại ngữ 2

Học phần này bao gồm từ vựng và cấu trúc tiếng Anh chuyên ngành Y về các thuật ngữ giải phẫu của các bộ phận cơ thể người, các triệu chứng thông thường, các cơn đau nhức thường gặp để hỗ trợ sinh viên thực hành các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết với số lượng 3 bài trong giáo trình English in Medicine 1.

12. Học phần tính chuyên nghiệp 1

Môn học gồm 2 phần cơ bản:

Đại cương về tính chuyên nghiệp: Giới thiệu những khái niệm, nội dung của tính chuyên nghiệp cần thiết trong y khoa. Cung cấp cho sinh viên cơ sở lý luận để hình thành tính chuyên nghiệp trong y khoa.

Tâm lý người bệnh, đạo đức y học: Đề cập đến tâm lý của người bệnh và giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng. Phần này cũng đề cập đến những nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

13. HỌC PHẦN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

Học phần I: Đường lối quân sự của Đảng

Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

Học phần II: Công tác quốc phòng, an ninh

Học phần gồm những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

14. MODULE HUYẾT HỌC – BẠCH HUYẾT

Module huyết học – bạch huyết cung cấp các kiến thức về cấu trúc, chức năng của cơ quan tạo máu và bạch huyết, quá trình biệt hóa bình thường của các dòng tế bào máu (hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu); chức năng đông – cầm máu bình thường và một số rối loạn. Với những kiến thức đó giải thích một số dấu hiệu lâm sàng, những thay đổi giá trị xét nghiệm của một số bệnh lý huyết học và bạch huyết thường gặp.

Phương pháp giảng kết hợp thảo luận nhóm và thực hành giúp sinh viên hình thành kiến thức và kỹ năng trong biện luận lâm sàng, làm nền tảng giúp cho sinh viên có thể tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

15. MODULE TIM MẠCH

Module tim mạch gồm các bài giảng cung cấp các kiến thức về cấu trúc, chức năng bình thường và điều hòa chức năng của hệ thống tuần hoàn. Dựa trên những kiến thức này sẽ giúp sinh viên giải thích được cơ chế bệnh sinh một số biểu hiện lâm sàng, cận lâm sàng và nguyên tắc điều trị một số bệnh tim mạch phổ biến.

16. MODULE HÔ HẤP

Module Hô hấp mô tả cấu trúc, chức năng của hệ hô hấp, giải thích cơ chế hoạt động bình thường cùng mối liên hệ với các cơ quan khác trong cơ thể. Từ đó, sinh viên có thể giải thích được biểu hiện bệnh lý, cơ sở chẩn đoán, điều trị và dự phòng của một số bệnh lý hô hấp thường gặp, tạo nền tảng cho kỹ năng biện luận lâm sàng trong các năm học tập và thực hành nghề nghiệp. Quá trình học module này giúp sinh viên hình thành kỹ năng tự học và học suốt đời.

17. MODULE TIÊU HÓA

Module tiêu hóa cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các cơ quan trong cơ thể tham gia vào hệ tiêu hóa bao gồm cấu trúc và chức năng của các cơ quan đó trong vận động cơ học, tiêu hóa, hấp thu, bài tiết và bài xuất các chất. Từ đó, sinh viên có thể giải thích được một số biểu hiện lâm sàng, cận lâm sàng và nguyên tắc điều trị một số bệnh lý thường gặp của hệ tiêu hóa, tạo nền tảng cho kỹ năng biện luận lâm sàng trong các năm học tiếp theo và hành nghề sau này.

18. MODULE HỆ TIẾT NIỆU

Module hệ tiết niệu mô tả hình thái, cấu trúc, chức năng của thận và đường dẫn niệu, giải thích cơ chế hoạt động bình thường của chúng cùng mối liên hệ với các cơ quan khác trong cơ thể. Từ đó, sinh viên có thể giải thích được biểu hiện bệnh lý của một số bệnh thường gặp trong hệ tiết niệu, tạo nền tảng giúp cho việc chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh lý này trong các năm học tiếp theo. Với phương pháp giảng kết hợp elearning, học đảo chiều cùng với thảo luận nhóm và thực hành cung cấp cho sinh viên các kỹ năng giúp sinh viên tự học suốt đời.

19. THỰC HÀNH Y KHOA 1

Module Thực hành y khoa 1 (POM 1) được học vào học kỳ 1 năm thứ 2. Nội dung chính gồm: Kỹ năng để khai thác bệnh sử - tiền sử của người bệnh; kỹ năng khám lâm sàng và một số kỹ thuật y khoa liên quan đến hệ cơ quan tạo máu, tim mạch, hô hấp. Module POM1 dạy cho sinh viên bắt đầu biết thể hiện tính chuyên nghiệp trong khi giao tiếp và thực hành lâm sàng. Những kỹ năng thực hành được học trong module giúp cho sinh viên tự học tập, tự nghiên cứu để phát triển nghề nghiệp suốt

đời. Sinh viên được học theo phương pháp tích cực dưới sự hỗ trợ của các giảng viên lâm sàng, điều dưỡng, HLKN. Sinh viên được học 9 buổi thực hành tại Lab và được đánh giá theo bảng kiểm vào cuối mỗi buổi học, sinh viên phải đi thực tập 3 ngày tại các bệnh viện thực hành và được đánh giá dựa vào việc hoàn thành các chỉ tiêu lâm sàng và báo cáo khi kết thúc đợt thực hành bệnh viện. Cuối đợt học, sinh viên sẽ phải thi OSCE.

20. THỰC HÀNH Y KHOA 2

Module Thực hành Y khoa 2 (POM 2) trang bị cho sinh viên kỹ năng giao tiếp với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp; kỹ năng hỏi bệnh và thăm khám các hệ cơ quan tiêu hóa, tiết niệu, da - cơ - xương - khớp và một số thủ thuật/kỹ thuật liên quan đến các hệ cơ quan trên; module này cũng trang bị cho sinh viên có thái độ đúng mực nhưng thân thiện khi giao tiếp với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp. Những kỹ năng cung cấp cho sinh viên trong module này giúp cho sinh viên tự học suốt đời.

Module POM 2 bao gồm 8 bài thực hành tại phòng Lab và 4 ngày đi thực hành tại các Bệnh viện tuyến huyện và Trung tâm y tế Thành phố. Kết thúc mỗi bài thực hành tại Lab sinh viên sẽ được lượng giá bằng bảng kiểm, với hoạt động thực tập tại bệnh viện sinh viên sẽ được lượng giá bằng việc hoàn thành các chỉ tiêu lâm sàng và viết báo cáo cảm nhận về quá trình đi thực hành bệnh viện, kết thúc Module sinh viên sẽ được đánh giá tổng thể dựa vào hình thức thi chạy trạm (OSCE).

21. MODULE DA CƠ XƯƠNG KHỚP

Module Da- cơ xương khớp cung cấp cho sinh viên y khoa kiến thức về cấu trúc và chức năng bình thường của hệ thống Da - cơ xương khớp cùng mạch máu, thần kinh chi phối. Những kiến thức này giúp sinh viên giải thích được một số biểu hiện bình thường và bệnh lý thường gặp trên lâm sàng cũng như cơ chế tác dụng của thuốc điều trị một số bệnh của hệ thống Da – Cơ xương khớp.

Phần thực hành cung cấp cho sinh viên những hình ảnh bình thường và bệnh lý hệ thống Da – Cơ xương khớp minh họa cho phần lý thuyết. Phương pháp giảng dạy truyền thống kết hợp với Elearning, thảo luận nhóm và thực hành giúp sinh viên có được những kiến thức, tạo nền tảng cho việc tự học và tự nghiên cứu suốt đời.

22. DINH DƯỠNG - AN TOÀN THỰC PHẨM

Học phần Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm. Trong đó, phần dinh dưỡng trang bị cho người học về vai trò của các chất dinh dưỡng đối với sức khỏe con người, giá trị dinh dưỡng của các loại thực phẩm thông dụng. Học phần này cũng cung cấp cho người học kiến thức về một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng, nguyên tắc dinh dưỡng trong điều trị và các chế độ ăn của một số bệnh thường gặp trong bệnh viện.

Nội dung về An toàn thực phẩm đề cập đến đặc điểm vệ sinh của thực phẩm, nguyên nhân và một số loại ngộ độc thực phẩm thường gặp ở nước ta và cách phòng chống.

Song hành với lý thuyết là thực hành, phần này sẽ bồi dưỡng cho người học những kỹ năng quan trọng giúp lựa chọn thực phẩm thông dụng hàng ngày, kỹ thuật xét nghiệm nhanh một số chất độc trong thực phẩm và phương pháp đánh giá an toàn vệ sinh thực

phẩm nhà ăn công cộng. Sinh viên cũng được trang bị những kỹ năng để đánh giá tình trạng dinh dưỡng, khẩu phần và xây dựng thực đơn cho các đối tượng.

23. TỔ CHỨC QUẢN LÝ Y TẾ - CTYT QUỐC GIA – DÂN SỐ

Học phần Tổ chức quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia – Dân số gồm các nội dung cơ bản: Tổ chức quản lý y tế, Chương trình y tế quốc gia và Dân số, những nội dung này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Tổ chức quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia – Dân số và giúp cho sinh viên tự học suốt đời.

Tổ chức và quản lý y tế mô tả về tổ chức, nhiệm vụ của hệ thống y tế Việt Nam và chu trình quản lý y tế cơ bản.

Chương trình y tế quốc gia cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình y tế quốc gia tại các tuyến y tế đặc biệt là ở tuyến y tế cơ sở.

Dân số – Sức khỏe sinh sản đề cập đến những kiến thức về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản, chiến lược Dân số của quốc gia.

24. Ngoại ngữ 3

Học phần Ngoại ngữ 3 cung cấp các thuật ngữ chuyên ngành Y liên quan đến các hệ cơ quan và các chủ đề y tế, cụ thể là *Hệ tạo máu và miễn dịch, hệ tim mạch, hệ hô hấp, dinh dưỡng và an toàn thực phẩm*, cùng với việc giới thiệu các cấu trúc-ngữ pháp như *câu điều kiện loại 0 và 1, mệnh đề quan hệ, cấu trúc với can/ could và should/ must, các cụm động động từ chỉ mục đích của hành động*. Thông qua các bài học và các tình huống giao tiếp cụ thể trong học phần, sinh viên được thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mang tính thực tiễn trong hoạt động nghề nghiệp.

25. Ngoại ngữ 4

Học phần này cung cấp cho sinh viên cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thì tương lai gần, câu bị động, hiện tại hoàn thành tiếp diễn, động từ tình thái bị động (should, must, have to) và các thuật ngữ trong chuyên ngành y về một số hệ cơ quan như hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, hệ cơ xương khớp, hệ da với số lượng 4 bài trong giáo trình English in Medicine 2 để hỗ trợ sinh viên thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các bối cảnh y khoa.

26. HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1

Học phần giáo dục thể chất 1 gồm 02 môn thể thao đó là nhảy cao và bóng chuyền, do vậy học phần này sẽ gồm các kỹ thuật của môn nhảy cao và các kỹ thuật của môn bóng chuyền: Bộ môn Giáo dục thể chất trường Đại học Y Dược Thái Nguyên tiến hành giảng dạy động tác kỹ thuật, chiến thuật và một số luật của môn nhảy cao, môn bóng chuyền nhằm nâng cao thể chất, tính linh hoạt cũng như lòng dũng cảm cho sinh viên. Giảng viên thuyết trình, thị phạm động tác kỹ thuật, quan sát hướng dẫn và sửa sai cho sinh viên.

27. HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2

Bóng rổ là một môn thể thao thi đấu đối kháng trực tiếp, các vận động viên sử dụng các động tác kỹ thuật để tấn công đưa bóng vào rổ của đối phương. Bộ môn Giáo dục thể chất trường Đại học Y Dược Thái Nguyên tiến hành giảng dạy cho sinh viên các kỹ thuật, chiến thuật và một số luật của bóng rổ, nhằm nâng cao thể chất cũng như

sự hiểu biết cho sinh viên về môn bóng rổ. Giảng viên thuyết trình, thị phạm động tác kỹ thuật, quan sát hướng dẫn và sửa sai cho sinh viên. Sinh viên chú ý nghe giảng và thực hiện theo hướng dẫn của giáo viên.

28. HỌC PHẦN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN 1

Đây là học phần bắt buộc. Ngoài phần mở đầu, học phần gồm 3 chương cung cấp cho sinh viên những quan điểm cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận chung nhất, bao gồm những nội dung cơ bản của CNDV biện chứng với tư cách là hạt nhân lý luận của thế giới quan khoa học; phép BCDV với tư cách là khoa học về mối liên hệ phổ biến và sự phát triển, về những quy luật chung nhất của sự vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội, tư duy; CNDV lịch sử với tư cách là sự vận dụng, phát triển CNDV và phép biện chứng vào việc nghiên cứu các lĩnh vực của đời sống xã hội.

29. MODULE HỆ THẦN KINH

Hệ thần kinh là một hệ cơ quan biệt hóa cao nhất trong cơ thể người, được cấu tạo bởi một loại mô chuyên biệt là mô thần kinh, gồm các tế bào thần kinh - nơron và các tế bào thần kinh đệm. Về mặt cấu tạo, hệ thần kinh được chia ra làm 2 bộ phận là thần kinh trung ương (não, tủy sống) và thần kinh ngoại biên (các dây thần kinh, hạch thần kinh). Về chức năng hệ thần kinh có ba chức năng cơ bản là cảm giác, vận động và thần kinh cao cấp (trí nhớ, cảm xúc).

Module thần kinh sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về cấu trúc đại thể, vi thể và hoạt động chức năng của hệ thần kinh. Từ đó, giúp sinh viên giải thích được cơ chế bệnh sinh, cũng như cơ chế tác dụng của thuốc trong một số triệu chứng, hội chứng thần kinh thường gặp. Những nội dung này cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng giúp cho sinh viên tự học để học tập suốt đời.

30. MODULE HỆ NỘI TIẾT – SINH SẢN

Module này sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về cấu tạo, chức năng của hệ nội tiết, hệ sinh dục ở người bình thường; những kiến thức này giúp sinh viên giải thích được cơ chế hoạt động bình thường, một số biểu hiện bất thường thường gặp của hệ nội tiết, hệ sinh dục cùng mối liên hệ với các cơ quan khác trong cơ thể. Các kiến thức khi học module này cũng sẽ tạo nền tảng khoa học giúp sinh viên học các môn học trong các năm tiếp theo và quá trình tự học suốt đời.

31. THỰC HÀNH Y KHOA 3

Module thực hành y khoa 3 (POM 3: *Practice of Medicine*) được học sau POM 1, POM 2 và có mối liên hệ chặt chẽ với học phần thực hành lâm sàng năm 4,5,6. Các chủ đề sinh viên được học bao gồm: Tư vấn cho người bệnh; kỹ năng thăm khám một số bệnh Nội tiết- Chuyển hóa, sinh sản, hệ thần kinh và một số thủ thuật y khoa cơ bản; có lồng ghép tính chuyên nghiệp, kỹ năng tự học tập suốt đời. Sinh viên được học theo phương pháp tích cực, học theo bảng kiểm học tập. Có 7 bài thực hành dạy tại Skilllabs được đánh giá theo bảng kiểm. Sinh viên thực tập tại Trung tâm y tế huyện 5 buổi, được đánh giá theo bảng chỉ tiêu lâm sàng, thi OSCE kết thúc Module.

32-33. Nội cơ sở lý thuyết - Nội cơ sở thực hành

+ Giảng lý thuyết về triệu chứng học nội khoa một số bài đã quy định trong chương trình khung.

+ Giảng thực hành, hướng dẫn khám trên người bình thường và dạy cách khám bệnh, phát hiện triệu chứng trên bệnh nhân.

34-35. Ngoại cơ sở lý thuyết – Ngoại cơ sở thực hành

Học phần Ngoại cơ sở bao gồm hai tín chỉ lý thuyết và hai tín chỉ thực hành, được giảng trong thời gian 10 tuần.

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của các hội chứng ngoại khoa thường gặp ở các lĩnh vực ngoại tiêu hóa, ngoại chấn thương, ngoại thần kinh, ngoại tiết niệu, ngoại tim mạch lồng ngực.

Học phần Ngoại cơ sở lý thuyết diễn ra đồng thời cùng với học phần Ngoại cơ sở thực hành. Những bài giảng lâm sàng phong phú về kỹ năng khai thác bệnh sử, cách khám, các tình huống lâm sàng đa dạng... mở hướng đi mới trong việc áp dụng những kiến thức lý thuyết trong thực hành nghề nghiệp, giúp sinh viên chủ động hơn.

Kì vọng sau khi kết thúc học phần, sinh viên có được kiến thức cơ bản về triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của các hội chứng ngoại khoa thường gặp, giúp sinh viên có khả năng phát hiện các triệu chứng lâm sàng và đề xuất các phương pháp cận lâm sàng phù hợp

36. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học được giảng dạy vào năm thứ 3, môn học tiên quyết là toán xác suất thống kê, các môn học liên quan có thể song hành là Dịch tễ học, các môn học Y tế công cộng. Học phần bao gồm có 2 nội dung lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết bao gồm 1 tín chỉ. Phần thực hành bao gồm 1 tín chỉ với 6 bài thực hành. Ở học phần này sinh viên sẽ được học các phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng trong lĩnh vực y học dựa trên cơ sở các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học, đi sâu vào nghiên cứu mô tả. Sinh viên có cơ hội thực hành để xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học cụ thể gắn liền với nhu cầu nghiên cứu khoa học của sinh viên: xác định vấn đề nghiên cứu, hình thành câu hỏi và giả thiết nghiên cứu, viết mục tiêu nghiên cứu, tổng quan tài liệu, xây dựng phân đối tượng và phương pháp nghiên cứu, các bảng dự kiến kết quả và kế hoạch nghiên cứu.

37. SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Học phần sức khỏe môi trường- Sức khỏe nghề nghiệp gồm có 2 tín chỉ trong đó 1 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành. Về nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về các vấn đề sức khỏe và môi trường tự nhiên, xã hội và nghề nghiệp; cùng với các yếu tố nguy cơ trong môi trường sống, môi trường lao động và tác động của các yếu tố này đến sức khỏe của con người. Học phần này cung cấp các kỹ năng đánh giá, xác định một số chỉ số trong môi trường sống, môi trường lao động để có những biện pháp bảo vệ sức khỏe con người nói chung và sức khỏe của người lao động nói riêng. Đồng thời, học phần này giúp cho sinh viên nhận thức đầy đủ về vai trò của Y học lao động trong thực tiễn công tác chăm sóc sức khỏe người lao động. Từ đó có thể tư vấn cho người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng một số vấn đề sức khỏe thường gặp liên quan đến môi trường sống, môi trường lao động. Xây dựng được ý thức học tập, nghiên cứu khoa học phát triển sự nghiệp của bản thân cũng như vai trò của cán bộ y tế.

38. TÍNH CHUYÊN NGHIỆP 2

Module Tính chuyên nghiệp 2 là một trong các module của tính chuyên nghiệp trong thực hành y khoa, thuộc chương trình y khoa đổi mới của Trường Đại học Y

Được - Đại học Thái Nguyên. Module này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng và tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm về việc ứng dụng các nguyên tắc, kỹ thuật, phương pháp trong thực hành các kỹ năng mềm cơ bản cần thiết cho sinh viên y khoa như kỹ năng quản lý thời gian, thuyết trình, làm việc nhóm, ra quyết định, tư duy phản biện. Qua đó giúp sinh viên có kiến thức nhất định hỗ trợ cho việc chủ động, tích cực học tập suốt đời.

39. TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC SỨC KHỎE NÂNG CAO SỨC KHỎE

Học phần truyền thông giáo dục sức khỏe được dạy/học vào kỳ một của năm thứ 3 trong cho đối tượng bác sỹ đa khoa. Học phần này bao gồm 2 tín chỉ: 1 lý thuyết và 1 thực hành nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về khoa học hành vi và truyền thông giáo dục sức khỏe. Về kỹ năng sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học để lập bản kế hoạch truyền thông và thực hành một số phương pháp truyền thông như nói chuyện sức khỏe, thảo luận nhóm, tư vấn tại hộ gia đình, tư vấn tại trạm. Những kiến thức và kỹ năng này rất cần thiết cho một bác sỹ tương lai, sẽ được áp dụng nhiều trong thực tế vị trí việc làm sau này của người CBYT. Học phần này góp phần xây dựng các năng lực cần thiết của Bác sỹ Đa khoa theo yêu cầu của Bộ Y tế.

40. NGOẠI NGỮ 5

Học phần Ngoại ngữ 4 gồm có 4 bài, cung cấp các thuật ngữ chuyên ngành Y, các gốc từ, tiền tố và hậu tố liên quan đến các hệ cơ quan như hệ nội tiết, hệ sinh sản nữ, hệ sinh sản nam, và hệ thần kinh, và các cấu trúc-ngữ pháp liên quan đến thì tương lai đơn, thì tương lai gần, danh động từ, động từ nguyên mẫu có TO, thì quá khứ hoàn thành. Thông qua các bài học và các tình huống giao tiếp cụ thể trong học phần, sinh viên được thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mang tính thực tiễn trong hoạt động nghề nghiệp.

41. NGOẠI NGỮ 6

Học phần Ngoại ngữ 5 cung cấp các từ vựng chuyên ngành Y thông qua việc nghiên cứu các tình huống khám chữa bệnh thực tiễn như Taking a History (Làm bệnh án), Examination and Investigation (Thăm khám và xét nghiệm), Diagnosis and Treatment (Chẩn đoán và điều trị), Administering medication (sử dụng thuốc), đồng thời giới thiệu các cấu trúc-ngữ pháp như thể bị động của thì quá khứ hoàn thành, cấu trúc câu dùng chỉ dẫn cho bệnh nhân các tư thế khám bệnh, hướng dẫn, giải thích và trấn an bệnh nhân, đưa ra chẩn đoán và điều trị, và giải thích cho bệnh nhân cách sử dụng thuốc. Thông qua các bài học và các tình huống khám chữa bệnh quen thuộc hàng ngày, sinh viên được thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mang tính thực tiễn trong hoạt động nghề nghiệp.

42. NGOẠI NGỮ 7

Học phần này gồm có 4 bài: Nội khoa, Ngoại khoa, Sản phụ khoa và Nhi khoa, được xây dựng lồng ghép với các module lâm sàng để cung cấp cho sinh viên từ vựng và các thuật ngữ chuyên ngành liên quan đến Nội khoa như nội tim mạch, nội hô hấp, nội tiêu hóa, Ngoại khoa như ngoại thận, tiết niệu, ngoại tiêu hóa, .. , Sản phụ khoa và Nhi khoa. Trong học phần này, sinh viên được học các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về câu điều kiện loại 2, cách dùng so, such, too, enough và các cấu trúc so ... that, such ... that, enough ... to, cách nói trực tiếp gián tiếp với câu trần thuật, câu hỏi, yêu cầu

và khuyến khích để vận dụng trong các kỹ năng tiếng Anh như nghe, nói, đọc, viết trong thực hành nghề nghiệp.

43. NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC- LÊNIN II

Đây là học phần bắt buộc. Học phần Gồm 6 chương chia làm 2 phần: Phần I (Chương IV, V, VI) bao gồm những nội dung cơ bản của Kinh tế chính trị Mác- Lênin, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu một cách có hệ thống về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; kinh tế chính trị và đường lối phát triển kinh tế trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. Phần II (Chương VII, VIII, IX) bao gồm những nội dung cơ bản về CNXH khoa học, thấy được những thành tựu của sự nghiệp đổi mới và từ đó nâng cao niềm tin vào sự nghiệp đổi mới của Đảng và con đường đi lên CNXH mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta lựa chọn.

44. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Đây là học phần bắt buộc. Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản của nhà nước và pháp luật, hiểu được những kiến thức pháp lý cơ bản về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật..., nắm được cấu trúc và hình thức biểu hiện của hệ thống pháp luật Việt Nam, hiểu được khái niệm và nội dung cơ bản của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Học phần gồm 9 chương. Chương 1: Khái quát chung về Nhà nước; Chương 2: Khái quát chung về pháp luật; Chương 3: Hệ thống pháp luật Việt Nam; Chương 4: Luật hiến pháp Việt Nam; Chương 5: Luật hành chính Việt Nam; Chương 6: Luật dân sự Việt Nam; Chương 7: Luật hình sự Việt Nam; Chương 8: Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; Chương 9: Pháp luật phòng, chống tham nhũng.

45-46. Nội bệnh lý lý thuyết 1 - Nội bệnh lý thực hành 1

+ Giảng lý thuyết trên giảng đường về bệnh học nội khoa một số bài đã quy định trong chương trình khung của nội bệnh lý 1+2.

+ Giảng thực hành, hướng dẫn chẩn đoán bệnh sau khi khám và xét nghiệm bệnh nhân.

47-48. Ngoại bệnh lý lý thuyết 1 - Ngoại bệnh lý thực hành 1

Học phần bao gồm ba tín chỉ lý thuyết và bốn tín chỉ thực hành. Học phần lý thuyết cung cấp những kiến thức cơ bản về dịch tễ học lâm sàng, sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh, chẩn đoán và điều trị các bệnh lý ngoại khoa thường gặp. Học phần bao gồm: Bệnh học Ngoại tiết niệu cung cấp những kiến thức về sỏi tiết niệu, u phì đại tuyến tiền liệt, dị tật bẹn bìu, chấn thương tiết niệu; Bệnh học cấp cứu bụng như thủng ổ loét dạ dày tá tràng, hẹp môn vị, chảy máu nặng do loét dạ dày tá tràng, viêm tụy cấp, tắc mật do sỏi ống mật chủ, tắc ruột, thoát vị bẹn ghệt. Bệnh học chấn thương chỉnh hình như gãy xương chi trên, gãy xương chi dưới, trật khớp, vết thương phần mềm, vết thương bàn tay, gãy xương hỏ. Bệnh học ngoại thần kinh-sọ não như chấn thương, vết thương sọ não, chấn thương cột sống. Bệnh học về ngoại lồng ngực tim mạch như chấn thương, vết thương lồng ngực. Học phần lâm sàng với những bài giảng về nghiên cứu ca bệnh, những bảng kiểm liên quan đến thủ thuật, phẫu thuật.

Kì vọng, sau khi kết thúc học phần ngoại bệnh học 1, sinh viên có được các kiến thức cơ bản về sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh, chẩn đoán và điều trị những bệnh lý ngoại khoa thường gặp và vận dụng những kiến thức đó trong thực hành nghề nghiệp tại bệnh viện có hiệu quả hơn.

49. Nhi khoa lý thuyết 1

Học phần này bổ sung cho sinh viên kiến thức về sự phát triển, các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển và đặc điểm các hệ cơ quan của trẻ em. Sinh viên cũng tiếp tục được trang bị thêm các kiến thức về sơ sinh và dinh dưỡng của trẻ. Sinh viên sẽ được học các bài giảng: Các thời kỳ tuổi trẻ, sự phát triển thể chất trẻ em, phát triển tinh thần vận động của trẻ, đặc điểm các hệ cơ quan (hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa, máu bạch, tiết niệu, thần kinh), đặc điểm trẻ sơ sinh đủ- thiếu tháng và dinh dưỡng của trẻ em.

Sinh viên cần chủ động tìm đọc tài liệu do bộ môn cung cấp và giới thiệu. Tham gia lên lớp đầy đủ, thảo luận tích cực các bài học.

Sinh viên tham gia bài kiểm tra thường xuyên 30 phút vào tuần thứ hai, bài kiểm tra giữa học phần 45 phút vào cuối tuần thứ ba và thi kết thúc học phần 60 phút vào cuối tuần thứ 4 theo hình thức thi tự luận.

50. Nhi khoa thực hành 1

Học phần này giúp sinh viên đánh giá được sự phát triển thể chất và tinh thần của trẻ, phát hiện được các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của trẻ. Hướng dẫn cách đo các chỉ số nhân trắc, thăm khám phát hiện các triệu chứng, khai thác các triệu chứng để làm bệnh án. Hướng dẫn sinh viên đánh giá các dấu hiệu trẻ sinh đủ tháng, non tháng và cách chăm sóc. Sinh viên được thực hành chế biến một số món ăn cho trẻ dưới 1 tuổi và được thực hiện một số thủ thuật đơn giản.

Sinh viên phải tự đọc các bài giảng thực hành, các bảng kiểm và thảo luận trên lớp. Sinh viên phải tham gia thường trực tại bệnh viện mỗi tuần một buổi và nộp 1 bệnh án/ tuần. Trong thời gian học lâm sàng sinh viên phải hoàn thành các chỉ tiêu lâm sàng. Cuối học phần, sinh viên phải thi thực hành để đánh giá các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thực hành và kỹ năng ra quyết định.

Sinh viên chủ động tham khảo tài liệu trên thư viện, Internet và các tài liệu do bộ môn cung cấp trước khi lên lớp, học tập đầy đủ và tham gia thảo luận tích cực

51. Sản khoa lý thuyết 1

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về chu kỳ hoạt động sinh dục của buồng trứng và các hormon sinh dục, sự thụ tinh làm tổ và phát triển của trứng, sự phát triển của thai và phần phụ của thai nhi trong buồng tử cung, sinh lý chuyển dạ, sản thường và các chăm sóc trước trong và sau sinh. Các trường hợp sản bệnh có thể gặp phải trong thời kỳ mang thai

Cung cấp các kiến thức cơ bản về các bệnh lý phụ khoa thông thường như u xơ tử cung, u nang buồng trứng, sa sinh dục.

52. Sản khoa thực hành 1

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng để chẩn đoán, xử trí các bệnh lý Sản phụ khoa thông thường. Vận dụng kiến thức để chăm sóc sản phụ trước trong, sau sinh và chăm sóc trẻ sơ sinh

Thăm khám, vận dụng kiến thức để chẩn đoán và điều trị một số bệnh phụ khoa thông thường

53. NGOẠI NGỮ 8

Học phần này gồm có 4 bài học được giảng dạy ở học kỳ 2 năm thứ 4 chương trình đào tạo y khoa. Học phần được xây dựng nhằm cung cấp cho sinh viên cấu trúc ngữ pháp cơ bản, diễn đạt trong so sánh, cách sử dụng động từ “wish”, mệnh đề quan hệ gián lược và các thuật ngữ trong chuyên ngành về một số lĩnh vực trong y học như

tâm thần học, ung thư học, bệnh nhiệt đới và các giác quan đặc biệt để hỗ trợ sinh viên thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các bối cảnh y khoa.

54. THẦN KINH

Học phần Thần kinh là một trong các học phần chuyên ngành trong chương trình đào tạo (CTĐT) bác sĩ đa khoa. Học phần (HP) này bao gồm 2 tín chỉ (1LT/1TH), được giảng dạy trong học kỳ 8 của CTĐT Bác sĩ đa khoa, nội dung nhằm đáp ứng các chuẩn đầu ra (CĐR): CĐR2, CĐR4, CĐR6, CĐR7, CĐR11, CĐR17, CĐR21, CĐR22 của CTĐT bác sĩ đa khoa

Học phần Thần kinh có liên hệ với các học phần cơ sở ngành (sinh lý học, giải phẫu..), và các học phần lâm sàng (nội, ngoại cơ sở).

Sinh viên cần phải học các học phần cơ sở ngành, huấn luyện kỹ năng y khoa, các học phần nội, ngoại, sản, nhi cơ sở trước khi học phần Thần kinh. Nội dung học phần Thần kinh bao gồm gồm 2 phần lý thuyết và thực hành:

* Phần lý thuyết: sinh viên được trang bị các kiến thức về triệu chứng, chẩn đoán, xử trí một số hội chứng và bệnh lý thần kinh thường gặp. Phần lý thuyết sinh viên được học tập trung tại giảng đường 3-4 buổi/tuần trong 2 tuần đầu của học phần, sinh viên cần đọc trước các bài lý thuyết, chuẩn bị bài thảo luận, làm bài Pretest trước mỗi buổi học.

* Phần thực hành: sinh viên được học thực hành tại khoa Thần kinh và Trung tâm đột quỵ, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên vào các ngày trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu. Sinh viên sẽ được học kỹ năng khám xác định các triệu chứng, hội chứng lâm sàng, thực hành chẩn đoán, xử trí một số tình trạng cấp cứu và bệnh lý thần kinh thường gặp trên các bệnh nhân điều trị nội trú tại khoa. Trong thời gian học tập tại khoa, mỗi sinh viên sẽ phải tham gia trực 1 buổi/ tuần, trong các buổi trực sinh viên tiếp tục thực hành các kỹ năng thăm khám, theo dõi, xử trí các bệnh nhân hình thành kinh nghiệm lâm sàng cho bản thân. Sinh viên sẽ phải phối hợp tốt với bệnh nhân, gia đình bệnh nhân và nhân viên y tế của khoa để hoàn thành tốt nhiệm vụ này.

55. TÍNH CHUYÊN NGHIỆP 3

Học phần tính chuyên nghiệp 3 có 1 tín chỉ, được học vào năm thứ 4. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các yếu tố kinh tế, văn hóa xã hội cũng như các phong tục tập quán ảnh hưởng đến sức khỏe và bệnh tật theo từng vùng miền. Từ đó giúp các bác sĩ đa khoa tương lai có thể hiểu được và vận dụng được các kiến thức đó để giao tiếp, làm việc và xử trí các tình huống trong chăm sóc sức khỏe với người dân có các đặc điểm kinh tế, văn hóa xã hội khác nhau, đến từ các vùng miền khác nhau được phù hợp. Qua đó giúp người cán bộ y tế thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân được chủ động và hiệu quả hơn. Nội dung học phần tính chuyên nghiệp 3 đáp ứng được các tiêu chuẩn 1, 4, 7 trong chuẩn năng lực chuẩn năng lực 1 - Hành nghề phù hợp với bối cảnh văn hóa xã hội và điều kiện thực tế của người bác sĩ đa khoa.

Học phần gồm có 1 tín chỉ lý thuyết với 4 bài sau:

Bài 1. Đặc điểm tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội Việt Nam

Bài 2. Ảnh hưởng của kinh tế, văn hóa, xã hội với sức khỏe và bệnh tật

Bài 3. Một số phong tục tập quán liên quan đến sức khỏe theo vùng miền

Bài 4. Thực trạng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ y tế cho người dân tộc thiểu số, khó khăn và giải pháp

Giảng dạy học phần này bộ môn chủ yếu sử dụng phương pháp nêu vấn đề và dạy theo tình huống để giúp cho sinh viên gắn kết việc học lý thuyết vào với thực tế nhiều hơn, giúp sinh viên nâng cao khả năng tự học và học suốt đời.

56. SỨC KHỎE TÂM THẦN

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về triệu chứng học tâm thần, các bệnh tâm thần thường gặp, cấp cứu trong tâm thần. Học phần gồm 02 tín chỉ (01 lý thuyết/01 thực hành), được dạy/học ở học kì 8 hoặc 9 trong chương trình đào tạo, Học phần này nhằm đáp ứng CĐR số [2,5,7,8,9,14,15,18,19,20,22,24] thuộc CTĐT Bác sĩ Y khoa. Học phần này có mối liên hệ với nhiều học phần khác như giải phẫu, sinh lý hệ thần kinh, sinh hóa, nội khoa cơ sở, thần kinh, Nội bệnh lý, và các học phần chuyên khoa khác. Trước khi học học phần Sức khỏe tâm thần sinh viên cần có các kiến thức về giải phẫu, sinh lý thần kinh, Nội khoa cơ sở, Tâm lý y đức.

Học phần bao gồm các bài giảng về các triệu chứng, hội chứng tâm thần thường gặp; một số bệnh tâm thần thường gặp trong cộng đồng. Các vấn đề quan trọng được giảng dạy bao gồm: Triệu chứng học tâm thần; Các biểu hiện lâm sàng, hướng chẩn đoán và xử trí ban đầu, tư vấn một số bệnh tâm thần thường gặp; Các biểu hiện lâm sàng, xử trí ban đầu, tư vấn các cấp cứu tâm thần.

Sinh viên được hướng dẫn và thực hành các kỹ năng cơ bản về giao tiếp với bệnh nhân tâm thần và người nhà bệnh nhân; kỹ năng khám phát hiện các biểu hiện rối loạn tâm thần; Kỹ năng đưa ra hướng chẩn đoán, xử trí một số bệnh tâm thần thường gặp và cấp cứu tâm thần; Kỹ năng nhận biết các trường hợp cần chuyển khoa, chuyển tuyến; Kỹ năng tư vấn cho bệnh nhân tâm thần và gia đình trong theo dõi, dự phòng một số bệnh tâm thần thường gặp. .

Những nhiệm vụ chính sinh viên phải hoàn thành khi tham gia học phần: SV phải đọc bài trước ở nhà cho mỗi buổi giảng lý thuyết; học lý thuyết tại GD BM Tâm thần đặt tại khoa Tâm thần- BV ĐKTU Thái nguyên vào 4 buổi do 4 cán bộ của BM giảng dạy vào 2 tuần đầu tiên trong 3 tuần tham gia học tập học phần; học lâm sàng tại 2 địa điểm: Khoa Tâm thần- BVĐKTU Thái Nguyên, Bệnh viện Tâm thần Thái nguyên. Thời gian học thực hành vào buổi sáng từ 7h-10h30 (giờ mùa hè) và từ 7h30-11h (giờ mùa đông).

57. Y HỌC CỔ TRUYỀN

Học phần Y học cổ truyền là một trong các học phần chuyên ngành trong chương trình đào tạo (CTĐT) bác sĩ đa khoa. Học phần (HP) này bao gồm 2 tín chỉ (1LT/1TH), được dạy trong học kỳ 8 của CTĐT Bác sĩ đa khoa, nội dung nhằm đáp ứng các chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT: CĐR2; CĐR4; CĐR6; CĐR11; CĐR16; CĐR17; CĐR20; CĐR21; CĐR22; CĐR23; CDDR24; CDDR25. Học phần Y học cổ truyền có liên hệ với các học phần cơ sở ngành (sinh lý học, giải phẫu..), và các học phần lâm sàng (nội, ngoại, sản, nhi cơ sở). Sinh viên cần phải học các học phần khoa học cơ bản, cơ sở ngành, các học phần nội, ngoại, sản, nhi cơ sở trước khi học phần Y học cổ truyền.

58. DỊCH TỄ

Học phần dịch tễ học được giảng dạy vào năm thứ 4, bao gồm có 2 nội dung lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết bao gồm 1 tín chỉ được bao gồm các nội dung về dịch tễ học hiện đại và dịch tễ học các bệnh lây, không lây. Phần thực hành bao gồm 1 tín chỉ được chia thành 6 bài thực hành. Trong học phần này học sinh sẽ được học khái niệm về dịch tễ học, cách đề cập dịch tễ học, dịch tễ học các bệnh lây và không lây nhiễm, các nguyên lý và biện pháp dự phòng. Ngoài ra sinh viên còn được thực hành các xây dựng kế hoạch giám sát, tính toán một số số đo mắc bệnh, tử vong, chỉ số đánh giá chất lượng xét nghiệm, lập kế hoạch tiêm chủng và điều tra xử lý dịch bệnh truyền nhiễm.

59. HỌC PHẦN NGOẠI NGỮ 9

Học phần này bao gồm 1 tín chỉ (1/0) được giảng dạy trong học kỳ đầu tiên của năm thứ 5 của Chương trình đào tạo ngành Y khoa. Học phần tiên quyết bao gồm các học phần ngoại ngữ 1-2-3-4. Các chủ đề của học phần Ngoại ngữ 9 được truyền tải đến học sinh thông qua các bài học về từ vựng, ngữ pháp/trọng tâm ngôn ngữ, kỹ năng nghe, nói, đọc hiểu và viết. Các bài học được thiết kế để giúp cung cấp cho sinh viên các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về câu trực tiếp và câu gián tiếp, thuật ngữ y khoa cho một số chuyên khoa lẻ mà sinh viên đang theo học song song trong học kỳ này, chẳng hạn như Chẩn đoán hình ảnh, Lao và Bệnh phổi, Phục hồi chức năng, Răng hàm mặt. Khóa học nhằm đáp ứng các chuẩn đầu ra (CĐR) 1, 4 và 7 của chương trình đào tạo (ở trình độ cao); CĐR 2, 3, 5 và 6 (ở mức trung bình). Phương pháp kiểm tra kỹ năng nói và MCQs được sử dụng để đánh giá sinh viên.

60. DA LIỄU

Học phần Da liễu tạo ra môi trường để sinh viên học tập, rèn luyện, phát triển thành một người bác sĩ tận tâm, có hiểu biết và làm việc với bệnh nhân có bệnh lý Da liễu.

Học phần (HP) này bao gồm 2 tín chỉ (1LT/1TH), nằm trong học kỳ 8 của CTĐT Bác sỹ đa khoa. HP này nhằm đáp ứng các CĐR của CTĐT:

Đáp ứng chuẩn đầu ra theo yêu cầu về CĐR đối với sinh viên năm thứ 5: Đáp ứng được cả 3 kỹ năng theo chuẩn đầu ra gồm kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Cụ thể như sau:

- + CĐR về kiến thức: đáp ứng được CĐR 1, 2, 3, 4, 5, 6
- + CĐR về kỹ năng: đáp ứng được CĐR 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16
- + CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm: đáp ứng được CĐR 17, 18

Có HP tiên quyết hay không, là: Các học phần Khoa học cơ bản; Cơ sở ngành; Nội, Ngoại Sản, Nhi cơ sở, Module Da- Cơ- Xương- Khớp.

Thông qua HP này, sinh viên sẽ được học về cách khám nhận định tổn thương cơ bản ngoài da, phát hiện các triệu chứng, thuộc chuyên ngành Da liễu, chẩn đoán và xử trí được các bệnh lý Da liễu thường gặp và một số tình trạng cấp cứu trong lâm sàng Da liễu. Để đạt được các mục tiêu học tập của học phần, sinh viên cần:

Học 15 tiết lý thuyết: Tuần 1 học 10 tiết; tuần 2 học 5 tiết, tại GD trường hoặc GD của bộ môn bên Bệnh viện TỰTN.

Học thực hành tại Khoa Da liễu bệnh viện trung ương Thái Nguyên: 5 buổi/ 1 tuần (Tuần 1: sinh viên làm quen với khoa phòng và buồng bệnh, học các bài khám phát hiện triệu chứng; Tuần 2: sinh viên học các bài bệnh học thực hành theo hình thức khám và nhận định triệu chứng dưới buồng bệnh, thảo luận lại ca bệnh tại GD; Tuần 3: Đi buồng tổng hợp lại nội dung lâm sàng và lượng giá thực hành).

61. ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đây là học phần bắt buộc. Ngoài phần mở đầu, nội dung học phần gồm 8 chương, chia thành 2 phần. Phần I (chương 1, 2, 3): Khái quát chung về hoàn cảnh lịch sử và ý nghĩa sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; đường lối lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền từ 1930- 1945; lãnh đạo đấu tranh kháng chiến chống thực dân Pháp(1945-1954) và đế quốc Mỹ xâm lược, thống nhất Tổ quốc(1954-1975). Phần II (chương IV, V, VI, VII,VIII): khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới: đường lối công nghiệp hóa; đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đường lối xây dựng hệ thống chính trị; đường lối xây dựng nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

62. TRUYỀN NHIỄM

Học phần Truyền nhiễm tạo ra môi trường thuận lợi để sinh viên học tập, rèn luyện, phát triển thành một người bác sĩ vừa hồng, vừa chuyên, có hiểu biết và có khả năng làm việc với bệnh nhân mắc các bệnh truyền nhiễm.

Học phần (HP) này bao gồm 2 tín chỉ (2LT/2TH), nằm trong học kỳ 8 của CTĐT Bác sỹ đa khoa. Học phần này nhằm đáp ứng các CDR của CTĐT:

Đáp ứng chuẩn đầu ra theo yêu cầu về CDR đối với sinh viên năm thứ 5: Đáp ứng được cả 3 kỹ năng theo chuẩn đầu ra gồm kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Cụ thể như sau:

- + CDR về kiến thức: đáp ứng được CDR 1, 2, 3, 4
- + CDR về kỹ năng: đáp ứng được CDR 5,6 7, 8, 9, 10
- + CDR về mức tự chủ và trách nhiệm: đáp ứng được CDR 11, 12

Có học phần tiên quyết bao gồm: Các học phần Khoa học cơ bản; Cơ sở ngành; Nội, Ngoại Sản, Nhi cơ sở, Vi sinh, Dịch tễ học.

Học qua học phần truyền nhiễm sinh viên sẽ được thực tập, phát hiện các triệu chứng, hội chứng thuộc chuyên ngành truyền nhiễm, chẩn đoán và xử trí được một số bệnh truyền nhiễm thường gặp và một số tình trạng cấp cứu trên lâm sàng trong lĩnh vực truyền nhiễm. Để đạt được các mục tiêu học tập của học phần, sinh viên cần:

Học 15 tiết lý thuyết: Tuần 1 học 6 tiết; tuần 2 học 6 tiết, tuần 3 học 3 tiết tại giảng đường của Trường Đại học Y Dược hoặc giảng đường của bộ môn truyền nhiễm tại khoa Bệnh Nhiệt đới Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.

Học thực hành tại Khoa Bệnh Nhiệt đới Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên: 5 buổi/ 1 tuần (Tuần 1: sinh viên làm quen với khoa phòng và buồng bệnh, thảo luận một số ca bệnh lâm sàng, đi buồng phát hiện triệu chứng, giao ban sau mỗi buổi trực; Tuần 2: sinh viên tiếp tục thảo luận các ca bệnh, đi buồng, bình bệnh án, giao ban sau

các buổi trực; Tuần 3: Sinh viên tiếp tục được thảo luận các ca bệnh, đi buồng, giao ban sau các buổi trực và lượng giá thực hành).

Trực tại khoa Bệnh Nhiệt đới bệnh của Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên: mỗi SV trực 1 buổi/ 1 tuần, trực từ 19h hôm trước đến 07h hôm sau ngày các ngày trong tuần; riêng ngày thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc các ngày nghỉ lễ (trừ nghỉ Tết Nguyên đán) sinh viên trực sẽ chia làm 2 ca: ca 1 từ 7h đến 19h, ca 2 từ 19h hôm trước đến 7h hôm sau. Công việc chính của SV trong buổi trực: Quan sát BS khám bệnh nhân vào viện, khám bệnh nhân vào viện và hoàn thành bệnh án dưới sự giám sát của bác sĩ trực; Khám bệnh nhân trong khoa phòng để thực hành khám và thực hiện chỉ tiêu lâm sàng. Theo dõi và chăm sóc bệnh nhân trong khoa phòng; hỗ trợ đưa bệnh nhân đi khám chuyên khoa hoặc làm các xét nghiệm như chụp Xquang, điện tim, siêu âm... đưa bệnh phẩm lên khoa xét nghiệm theo sự hướng dẫn của bác sĩ hoặc điều dưỡng trực; viết giao ban khoa, viết giao ban sinh viên

63. MẮT

Học phần Nhãn khoa là một trong các học phần chuyên ngành trong chương trình đào tạo (CTĐT) bác sĩ đa khoa. Học phần (HP) này bao gồm 2 tín chỉ (1LT/1TH), được dạy trong năm thứ 5 của CTĐT Bác sĩ đa khoa, nội dung nhằm đáp ứng các chuẩn đầu ra (CĐR): CĐR2, CĐR4, CĐR6, CĐR7, CĐR11, CĐR17, CĐR21, CĐR22 của CTĐT bác sĩ đa khoa.

Học phần này có mối liên hệ với nhiều học phần khác như: Nội khoa, Ngoại khoa, Răng hàm mặt, Tai mũi họng, da liễu, lao, thần kinh, giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh,...

Sinh viên cần phải học các học phần cơ sở ngành, huấn luyện kỹ năng y khoa, các học phần nội, ngoại, sản, nhi cơ sở trước khi học phần Thần kinh. Nội dung học phần Thần kinh bao gồm 2 phần lý thuyết và thực hành:

* Phần lý thuyết: sinh viên được trang bị các kiến thức về triệu chứng, lập luận chẩn đoán, xử trí một bệnh lý nhãn khoa thường gặp. Phần lý thuyết này sinh viên sẽ được học tập trung tại giảng đường 3-4 buổi/tuần trong 2 tuần đầu của học phần, sinh viên cần đọc trước các bài lý thuyết, chuẩn bị bài thảo luận, làm bài Pretest trước mỗi buổi học.

* Phần thực hành: Sinh viên được hướng dẫn và thực hành các kỹ năng cơ bản về khám và điều trị trong chuyên khoa mắt. Bao gồm cách khám mắt thông thường, đo thị lực, thử kính, đo nhãn áp, đo thị trường ước lượng, cách điều trị, xử trí cấp cứu, cách chăm sóc mắt và cách tuyên truyền tư vấn với bệnh nhân và người nhà cách phòng ngừa các bệnh mắt thường gặp.

64. RĂNG HÀM MẶT

Học phần Răng Hàm Mặt giúp sinh viên hoàn thiện kiến thức và các kỹ năng lâm sàng thuộc khối chuyên khoa.

Học phần Răng Hàm Mặt gồm 2 tín chỉ (1 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ lâm sàng), được dạy/học ở học kì 10 trong CTĐT. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 2, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 18, 19, 20, 21 của chương trình đào tạo. Học phần này có mối liên hệ với nhiều học phần khác như: Nội khoa, Ngoại khoa, Giải phẫu, Sinh lý Mắt, Tai mũi họng, Da liễu, Thần kinh,...

Học phần Răng Hàm Mặt có học phần tiên quyết là các học phần giáo dục đại cương, các học phần y cơ sở.

Sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản về: Răng và bộ răng, bệnh sâu răng, bệnh lý tủy và vùng quanh cuống răng, bệnh vùng quanh răng, viêm nhiễm răng miệng- hàm mặt, khe hở môi - vòm miệng, khối u vùng hàm mặt, chấn thương vùng hàm mặt, mối liên quan giữa răng miệng và sức khỏe toàn thân, chăm sóc sức khỏe răng miệng ban đầu. Đồng thời sinh viên còn được hướng dẫn thái độ và kỹ năng cần thiết trong việc khám, phát hiện, ra chỉ định xử trí và tư vấn phòng các bệnh răng hàm mặt thường gặp.

Những nhiệm vụ chính sinh viên phải hoàn thành khi tham gia học phần: SV phải đọc bài trước ở nhà cho mỗi buổi giảng lý thuyết; học lý thuyết tại GD Khoa RHM theo lịch của phong đào tạo; học lâm sàng tại 3 địa điểm: Khoa RHM và PK RHM – BV Trung ương Thái Nguyên, Khoa RHM – BV Trường ĐH Y khoa, thời gian học lâm sàng vào các buổi sáng theo giờ quy định của nhà trường.

65. TAI MŨI HỌNG

Học phần Tai mũi họng giúp sinh viên bắt đầu phát triển kỹ năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng tai mũi họng thường gặp. Học phần gồm 2 tín chỉ (01 tín chỉ lý thuyết và 01 tín chỉ lâm sàng), được dạy ở học kỳ II trong năm thứ 4 hoặc học kỳ I năm thứ 5 của chương trình Bác sỹ đa khoa hệ chính quy 6 năm. Học phần này có mối liên hệ với nhiều học phần khác như: Nội khoa, Ngoại khoa, Nhi khoa, Răng hàm mặt, Mắt, Da liễu, Lao, Thần kinh, Giải phẫu, Sinh lý, Sinh lý bệnh.... Học phần bao gồm các bài giảng về một số bệnh lý và cấp cứu tai mũi họng thường gặp trong cộng đồng. Sinh viên được hướng dẫn và thực hành các kỹ năng cơ bản về khám và điều trị trong chuyên khoa tai mũi họng bao gồm: cách khám tai mũi họng thông thường; các thủ thuật điều trị ngoại trú; cách điều trị, xử trí cấp cứu; cách chăm sóc tai mũi họng và cách tuyên truyền tư vấn trong cộng đồng phòng ngừa các bệnh tai mũi họng thường gặp. Sinh viên sẽ được học lý thuyết 3 buổi/ tuần trong 2 tuần đầu tiên tại giảng đường bộ môn và thảo luận 3 tiết trong tuần thứ 2. Sinh viên học lâm sàng 5 buổi/ tuần thời gian học thực hành vào buổi sáng từ 7h-11h (giờ mùa hè) và từ 7h30-11h30 (giờ mùa đông), tại 3 địa điểm là Khoa Tai mũi họng – Bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên, phòng khám Tai mũi họng – Bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên và khoa Tai mũi họng – Bệnh viện trường Đại học Y khoa. Sinh viên tham gia trực ít nhất 1 buổi/1 tuần tại Khoa Tai mũi họng – Bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên (mỗi buổi 12 tiếng).

66. UNG THƯ

Học phần Ung thư gồm 2 tín chỉ, bao gồm cả lý thuyết và thực hành, được dạy trong học kỳ II năm Y5. Học phần này nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 2, 5, 7, 8, 21, 23 thuộc chương trình đào tạo ngành Y khoa. Để học được học phần này sinh viên bắt buộc phải học qua các học phần y học cơ sở, học qua môn Nội bệnh lý 1, Ngoại bệnh lý 1, Sản phụ khoa 1 và Nhi khoa 1. Đây là học phần tiên quyết, sinh viên có thể học song hành với các học phần các chuyên khoa. Sinh viên sẽ được học lý thuyết với nội dung là những kiến thức những kiến thức cơ bản về ung thư đại cương, được tiếp cận với một số bài bệnh học ung thư thường gặp như ung thư vú, ung thư phế quản phổi, ung thư vòm mũi họng. Trước khi lên lớp sinh viên phải chủ động đọc bài trước và trả lời các câu hỏi do giảng viên yêu cầu. Các bài lý thuyết sẽ được giảng tại giảng đường với phương pháp giảng dạy tích cực, mỗi tuần 3 buổi. Phần lâm sàng sinh viên sẽ học

tại Trung tâm Ung bướu- Bệnh viện TW Thái Nguyên. Học lâm sàng các buổi sáng từ thứ 2 đến thứ 6 (5 buổi/ tuần). Sinh viên được hướng dẫn cách hỏi bệnh, khám bệnh, giao tiếp với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, được hướng dẫn thực hành các kỹ năng khám lâm sàng, chỉ định và phân tích kết quả cận lâm sàng, lập luận chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị một số bệnh ung thư thường gặp. Sinh viên được kiến tập một số thủ thuật cơ bản trong ung thư. Vào mỗi buổi sáng học lâm sàng, sinh viên sẽ tham gia đi buồng đội với các bác sĩ và nhân viên y tế tại khoa sinh viên thực tập, sau đó sinh viên sẽ được giao ban đầu giờ do các tua trực báo cáo. Mỗi tuần sinh viên sẽ có một buổi giảng dạy bên giường bệnh, một buổi thảo luận ca bệnh và một buổi bình bệnh án. Sinh viên có trách nhiệm đọc trước các bài theo lịch giảng của bộ môn và tham gia thường trực tối thiểu 1 buổi/tuần, từ 19 giờ hôm trước đến 07 giờ sáng hôm sau vào các ngày thường và chia 2 ca vào các ngày nghỉ (07 giờ-19 giờ và 19 giờ đến 07 giờ ngày hôm sau). Sau mỗi buổi trực sinh viên phải chuẩn bị bệnh nhân báo cáo trong buổi giao ban hôm sau. Thời gian còn lại sinh viên sẽ tự học tại buồng bệnh, tham gia thăm khám bệnh nhân, điều trị, tư vấn cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân tại trung tâm dưới sự giám sát của các bác sĩ, điều dưỡng.

67. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Đây là học phần phục hồi chức năng, với 2 tín chỉ, bao gồm 1 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành được dạy ở học kỳ 8 năm thứ 5. Học phần này đáp ứng chuẩn đầu ra 2,4,6,7,14,15,19,24 thuộc chương trình đào tạo. Để học được học phần này sinh viên bắt buộc phải học qua các học phần tiên quyết bao gồm các học phần Cơ sở ngành; Nội, Ngoại Sản, Nhi cơ sở. Thông qua học phần này, sinh viên sẽ được học về cách khám phát hiện các triệu chứng, hội chứng, chẩn đoán, ra chỉ định và thực hiện được một số kỹ thuật phục hồi chức năng cơ bản, đúng quy trình trong điều trị phục hồi chức năng cho một số bệnh lý thường gặp. Để đạt được các mục tiêu học tập của học phần, sinh viên cần: Trước khi lên lớp sinh viên phải chủ động đọc bài trước và trả lời các câu hỏi do giảng viên yêu cầu. Các bài lý thuyết sẽ được giảng tại giảng đường bộ môn với phương pháp giảng dạy tích cực, mỗi tuần 2 buổi. Học thực hành tại Khoa Phục hồi chức năng Bệnh viện trung ương Thái Nguyên và khoa Phục hồi chức năng Bệnh viện Trường Đại học Y khoa: 5 buổi/ 1 tuần (Tuần 1: sinh viên nhập học, phân nhóm học, trực, thực hành và lấy chỉ tiêu, học các bài khám và lượng giá Phục hồi chức năng; Tuần 2: sinh viên học các bài bệnh học và thực hành theo hình thức khám và nhận định triệu chứng, thực hiện một số kỹ thuật Phục hồi chức năng tại các phòng điều trị và buồng bệnh, thảo luận lại ca bệnh tại GD; Tuần 3: Đi buồng tổng hợp lại nội dung lâm sàng và lượng giá thực hành Trong thời gian học tập tại khoa, mỗi sinh viên sẽ phải tham gia trực 1 buổi tối/ tuần, trong các buổi trực sinh viên tiếp tục thực hành các kỹ năng thăm khám, theo dõi, xử trí các bệnh nhân hình thành kinh nghiệm lâm sàng cho bản thân. Sinh viên sẽ phải phối hợp tốt với bệnh nhân, gia đình bệnh nhân và nhân viên y tế của khoa để hoàn thành tốt nhiệm vụ này.

68. KINH TẾ Y TẾ - BẢO HIỂM Y TẾ

Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế là học phần thuộc chương trình đào tạo y khoa đổi mới vào học kỳ IX, thuộc năm thứ 5. Học phần này cung cấp kiến thức và hướng dẫn sinh viên các nội dung liên quan đến KTYT và BHYT khi thực hành nghề nghiệp.

Phần kinh tế y tế giới thiệu các khái niệm cơ bản của kinh tế học và mối quan hệ giữa kinh tế học và cung cấp dịch vụ y tế, nguồn kinh phí trong y tế, cách tính toán

và ý nghĩa của các loại chi phí trong việc cung cấp dịch vụ y tế. Đồng thời hướng dẫn các phương pháp đo lường gánh nặng bệnh tật, định hướng phân tích chi phí – hiệu quả và ứng dụng của nó trong điều kiện nguồn lực luôn khan hiếm.

Học phần này cũng giới thiệu cho sinh viên các nội dung cơ bản liên quan đến Bảo hiểm y tế, Luật Bảo hiểm y tế hiện hành và làm một số bài tập vận dụng quy định bảo hiểm y tế khi thực hành nghề nghiệp.

69-70. Nội bệnh lý lý thuyết 2 - Nội bệnh lý thực hành 2

Giảng lý thuyết trên giảng đường về bệnh học nội khoa một số bài đã quy định trong chương trình khung của nội bệnh lý 3 + 4.

+ Giảng thực hành, hướng dẫn chẩn đoán bệnh sau khi khám và xét nghiệm bệnh nhân.

+ Hướng dẫn cách ra y lệnh điều trị.

71-72. Ngoại bệnh lý lý thuyết 2 - Ngoại bệnh lý thực hành 2

Học phần bao gồm 2 tín chỉ lý thuyết và 3 tín chỉ thực hành. Học phần lý thuyết với những kiến thức cơ bản về chẩn đoán và điều trị. Cập nhật những kiến thức đa dạng về các ngoại khoa, bao gồm: Bệnh lý về ung thư tiêu hóa, ung thư tiết niệu; Bệnh lý về tiêu hóa như bệnh trĩ, rò hậu môn; Các dị tật bẩm sinh về tiêu hóa, tiết niệu; Bệnh lý chấn thương như hội chứng chèn ép khoang, vết thương mạch máu, vết thương khớp; Bệnh lý về thần kinh sọ não như thoát vị đĩa đệm, u não, áp xe não. Học phần lâm sàng với những thông tin mới về lâm sàng, chẩn đoán hình ảnh và các phương pháp điều trị cập nhật. Phân tích những ca bệnh, cung cấp các thông tin về chẩn đoán và điều trị trong các buổi bình bệnh án, đi buồng.

Kì vọng sinh viên trong quá trình học ngoại bệnh học 2 thu được những kiến thức cơ bản về tổn thương giải phẫu bệnh, sinh bệnh học, chẩn đoán và điều trị những bệnh ngoại khoa chuyên biệt thường gặp. Giúp sinh viên năm cuối đi thực tế tốt nghiệp tại cộng đồng thu được nhiều kết quả khả quan và vận dụng được các kiến thức cơ bản về lâm sàng, cận lâm sàng trong việc chẩn đoán và cấp cứu một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp tại cộng đồng

73-74. Nhi khoa lý thuyết 2

Học phần này giúp sinh viên học các kiến thức về chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh thường gặp ở trẻ em (viêm phế quản phổi, tiêu chảy, còi xương, suy dinh dưỡng, thiếu máu, xuất huyết, viêm cầu thận, hội chứng thận hư, viêm màng não mủ, đau bụng, nôn trớ, táo bón, biếng ăn, suy tim, nhiễm khuẩn tiết niệu, ngộ độc, co giật hôn mê), đồng thời sinh viên cũng có cái nhìn tổng thể về cơ cấu bệnh tật trẻ em Việt Nam hiện nay. Sinh viên cũng được tiếp cận với các chương trình chăm sóc sức khỏe trẻ em hiện đang được thực hiện tại các tuyến y tế (chương trình xử trí lồng ghép trẻ bệnh, chương trình phòng chống bệnh tiêu chảy, chương trình phòng chống bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp).

Sinh viên cần chủ động tìm đọc tài liệu do bộ môn cung cấp và giới thiệu. Tham gia lên lớp đầy đủ, thảo luận tích cực.

Trong thời gian học học phần này sinh viên có 2 bài kiểm tra thường xuyên thời gian 30 phút (tuần thứ 3 và tuần thứ 6), 1 bài kiểm tra giữa học phần thời gian 45 phút ở tuần thứ 5 và 1 bài thi kết thúc học phần vào cuối tuần thứ 7 theo hình thức thi tự luận.

75. Nhi khoa thực hành 2

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên kỹ năng về chẩn đoán, điều trị các bệnh thường gặp ở trẻ em. Sinh viên cũng được thực hành một số thủ thuật trong nhi khoa.

Đồng thời sinh viên cũng được tiếp cận với các chương trình chăm sóc sức khỏe trẻ em hiện đang được thực hiện tại các tuyến y tế.

Trong học phần này sinh viên cần tích cực chủ động, tăng cường thảo luận lâm sàng, tham gia chăm sóc và điều trị bệnh nhi tại bệnh viện. Tham gia thường trực 1 buổi/ tuần.

Trong học phần này sinh viên phải hoàn thành các chỉ tiêu lâm sàng và mỗi tuần nộp 1 bệnh án. Cuối học phần, sinh viên phải thi thực hành để đánh giá các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thực hành và kỹ năng ra quyết định.

Sinh viên chủ động tham khảo tài liệu trên thư viện và các tài liệu do bộ môn cung cấp trước khi lên lớp, học tập đầy đủ và tham gia thảo luận tích cực các buổi học lâm sàng.

76. Sản khoa lý thuyết 2

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về thai nghén bình thường và thai nghén có nguy cơ, các tai biến sản khoa thường gặp, các trường hợp đẻ khó. Các yếu tố nguy cơ về phía mẹ, thai và phần phụ của thai trong thời kỳ mang thai và trong thời kỳ chuyển dạ.

Cung cấp các kiến thức chăm sóc trẻ sơ sinh bình thường và bệnh lý, các biện pháp kế hoạch hóa gia đình.

Cung cấp kiến thức cơ bản về ung thư tử cung, cổ tử cung, niêm mạc tử cung, vú.

77. Sản khoa thực hành 2

Vận dụng kiến thức, kỹ năng để chẩn đoán, tiên lượng, xử trí các trường hợp thai nghén bình thường và thai nghén nguy cơ cao. Thăm khám phát hiện các yếu tố đề tiên lượng cuộc đẻ. Hồi sức được các trường hợp thai suy, thai ngạt. Chăm sóc trẻ sơ sinh bình thường và trẻ sơ sinh bệnh lý, tư vấn bệnh nhân và gia đình chăm sóc trẻ sau đẻ. Tư vấn các biện pháp kế hoạch hóa gia đình và các biện pháp phá thai an toàn.

Thăm khám, sử dụng các phương pháp thăm dò trong sản phụ khoa để chẩn đoán, điều trị các trường hợp xuất huyết sản khoa 3 tháng đầu và 3 tháng cuối, rong kinh, rong huyết, viêm nhiễm đường sinh dục, ung thư niêm mạc tử cung, ung thư cổ tử cung, ung thư tử cung và ung thư vú.

78. THỰC TẬP CỘNG ĐỒNG

Học phần Thực tập cộng đồng 1 bao gồm 2 tín chỉ thực hành đáp ứng chuẩn năng lực bác sỹ đa khoa của bộ y tế và chuẩn đầu ra bác sỹ đa khoa của nhà trường đối. Đây là học phần tạo ra những cơ hội cho sinh viên thực hành các kiến thức đã học từ năm thứ nhất đến năm thứ 5. Thời gian là 3 tuần, 2 ngày tập huấn tại trường, còn lại sẽ thực tập tại Trung tâm Y tế huyện/Bệnh viện huyện và tại Trạm Y tế xã. Các cán bộ y tế cơ sở (huyện, xã) sẽ tham gia hướng dẫn sinh viên. Giảng viên nhà trường sẽ hướng dẫn, giám sát, đánh giá sinh viên trong quá trình học tại thực địa. Sinh viên sẽ được học và rèn luyện một số kiến thức, thái độ và kỹ năng cần thiết của người bác sỹ tương lai. Sinh viên sẽ được tìm hiểu thực trạng tổ chức, quản lý và các hoạt động của hệ thống y tế huyện, xã. Sinh viên cũng được thực hành chẩn đoán cộng đồng, xây dựng kế hoạch truyền thông và thực hành kỹ năng TT-GDSK. Ngoài ra, sinh viên sẽ được rèn luyện thêm các kỹ năng như: giao tiếp với người dân, làm việc với cộng đồng, làm việc nhóm, tổ chức triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe, thu thập thông tin, tổng hợp thông tin và viết báo cáo. Thái độ tôn trọng cộng đồng, làm việc độc lập, ý thức tổ chức kỷ luật và khả năng tự học cũng là những tiêu chuẩn để xem xét đánh giá sinh viên khi tham gia học phần này. Học phần đáp ứng tiêu chí 1, tiêu chuẩn 6 thuộc lĩnh vực 2; tiêu chí 1, tiêu chuẩn 7, tiêu chí 1, tiêu chuẩn 16 thuộc lĩnh vực 3; tiêu chí 4 thuộc lĩnh vực 4 của chuẩn năng lực bác sỹ đa khoa.

79. DƯỢC LÂM SÀNG

Học phần này cung cấp cho sinh viên năm thứ 3 ngành Y khoa những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn Dược lâm sàng. Chương trình lý thuyết bao gồm: cách tiếp cận với mục tiêu sử dụng thuốc an toàn, hợp lý; các thông số dược động học cơ bản; tương tác thuốc; hiệu chỉnh liều ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan thận, các phản ứng bất lợi của thuốc và cung cấp các thông tin về thuốc và cách sử dụng thuốc trên các đối tượng đặc biệt. Các nguyên tắc sử dụng một số thuốc thông thường, trên cơ sở đó giúp cho các bác sỹ kê đơn sử dụng thuốc đạt hiệu quả cao nhất trong điều trị.

Trong thực hành, sinh viên được hướng dẫn cách tính các thông số dược động học cơ bản như sinh khả dụng, thời gian bán thải, thể tích phân bố, hiệu chỉnh liều ở các đối tượng đặc biệt. Phân tích những tình huống liên quan đến sử dụng thuốc như: mục đích, liều lượng, thời gian dùng thuốc, tương tác thuốc trong điều trị và cách khắc phục.

80. LAO VÀ BỆNH PHỔI

Học phần Bệnh Lao với số lượng tín chỉ là 02(1/1), được giảng dạy cho sinh viên Y khoa vào kỳ học thứ II của năm thứ 4.

Học phần Bệnh Lao bao gồm các nội dung về chuyên ngành lao: Những nội dung cơ bản của đặc điểm và tình hình bệnh lao hiện nay, các thể lao thường gặp trên lâm sàng, các thuốc điều trị lao thiết yếu và các phác đồ điều trị bệnh lao, các phương pháp phát hiện sớm và phòng bệnh lao trong cộng đồng. Học phần này cũng giới thiệu về một số xét nghiệm đặc hiệu, xét nghiệm hiện đại trong chẩn đoán và điều trị bệnh lao: xét nghiệm đờm tìm vi khuẩn lao, BACTEC – MGIT, PCR, Xpert MTB/RIF, chụp xquang phổi phát hiện các tổn thương lao, làm phản ứng mantoux, xét nghiệm máu. Trên cơ sở đó giúp cho sinh viên thu nhận được những kiến thức cần thiết về bệnh lao, nhận thức được mối liên quan giữa môn bệnh học lao với các môn học khác và ứng dụng trong quá trình công tác tại cộng đồng.

Học phần này nhằm đáp ứng các CDR2,5,6,7,8,13,14,25,26,27,28,30,31.

81. Y PHÁP

Học phần y pháp cung cấp cho sinh viên khái niệm về môn học, mối quan hệ qua lại giữa y học và pháp luật. Bước đầu hình thành ý thức tuân thủ pháp luật trong khi hành nghề y. Học phần còn cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về y pháp học: tử thi học, chấn thương, độc chất, sinh dục, tử vong do ngạt...

82. HỌC PHẦN NGOẠI NGỮ 10

Học phần này bao gồm 1 tín chỉ (1/0) được giảng dạy trong học kỳ thứ hai của năm thứ 5 của chương trình đào tạo ngành y khoa. Học phần tiên quyết bao gồm các học phần ngoại ngữ 1-2-3-4. Các chủ đề của học phần Ngoại ngữ 10 được truyền tải đến học sinh thông qua các bài học về từ vựng, ngữ pháp/trọng tâm ngôn ngữ, kỹ năng nghe, nói, đọc hiểu và viết. Các bài học được thiết kế để giúp cung cấp cho sinh viên các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về câu bị động của To-V/V-ing, hiện tại tiếp diễn, quá khứ tiếp diễn và thuật ngữ y khoa cho một số học phần chuyên khoa lẻ mà sinh viên đang học song song trong học kỳ này, chẳng hạn như Y học cổ truyền, Pháp y, Truyền nhiễm, Sức khỏe cộng đồng. Khóa học nhằm đáp ứng các chuẩn đầu ra (CDR) 1, 4 và

7 của chương trình học (ở trình độ cao); CDR 2, 3, 5 và 6 (ở mức trung bình). Phương pháp kiểm tra kỹ năng nói và MCQs được sử dụng để đánh giá sinh viên.

83. HỌC PHẦN NGOẠI NGỮ 11

Học phần này bao gồm 2 tín chỉ (2/0) được giảng dạy trong học kỳ thứ hai của năm thứ 5 của chương trình đào tạo ngành y khoa. Học phần tiên quyết bao gồm các học phần ngoại ngữ 1 - 2 - 3 - 4. Các chủ đề của học phần Ngoại ngữ 11 được truyền tải đến học sinh thông qua các bài học về từ vựng, ngữ pháp / trọng tâm ngôn ngữ, kỹ năng nghe, nói, đọc hiểu và viết. Các bài học được thiết kế để giúp sinh viên ôn lại các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thi tiếng Anh, thể bị động và thuật ngữ y khoa trong các ca lâm sàng đối với một số chuyên ngành mà sinh viên đang theo học song song trong học kỳ này như Nội khoa, Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa. Khóa học nhằm đáp ứng các chuẩn đầu ra (CDR) 1, 4 và 7 của chương trình học (ở trình độ cao); CDR 2, 3, 5 và 6 (ở mức trung bình). Phương pháp kiểm tra nói và MCQs được sử dụng để đánh giá học sinh.

84. HỌC PHẦN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Đây là học phần bắt buộc. Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về tư tưởng Hồ Chí Minh, từ nguồn gốc hình thành đến những vấn đề cơ bản trong hệ thống tư tưởng. Đặc biệt giúp cho người học thấy được ý nghĩa to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với dự nghiệp cách mạng Việt Nam. Ngoài phần mở đầu, nội dung học phần gồm 7 chương. Chương I: Khái quát quá trình hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chương II, III, IV, V, VI làm rõ những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh như vấn đề dân tộc, giải phóng dân tộc, về CNXH và con đường quá độ lên CNXH, về ĐCS Việt Nam, về văn hóa, đạo đức...

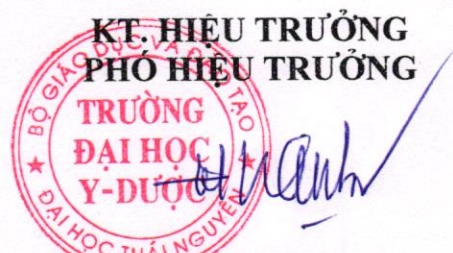
85. THỰC TẾ TỐT NGHIỆP

Học phần thực tế tốt nghiệp được thực hiện khi sinh viên đã hoàn thành tất cả học phần khác của chương trình BSDK. Bao gồm 4 tín chỉ, hoàn toàn thực hành trong 8 tuần. Mỗi sinh viên được thực tế tại 1 trong 4 khoa nội, ngoại, sản, nhi. Trước đó sinh viên được hướng dẫn phương pháp học tập, giao chỉ tiêu cùng với mức độ cần đạt, các mẫu báo cáo nhóm, mẫu bệnh án. Qua đó, học phần này giúp cho sinh viên trước khi ra trường được rèn luyện tính độc lập, tính chịu trách nhiệm trước các quyết định về chuyên môn khám bệnh, chẩn đoán, điều trị dự phòng, đồng thời tiếp cận được cơ cấu tổ chức, quản lý, các nội quy của bệnh viện, khoa phòng, nâng cao kỹ năng mềm trong hoạt động nhóm chăm sóc bệnh nhân cũng như các hoạt động đoàn thể. Học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra số 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13, 15, 17, 21, 25, 26 của chương trình đào tạo ngành Y khoa. Kết quả học thực hành được thể hiện qua số chỉ tiêu, bệnh án, báo cáo nhóm. Các kết quả này được nhận xét và lượng giá trong quá trình và cuối đợt thực tế.

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



PGS.TS. Nguyễn Trọng Hiếu



PGS.TS. Trịnh Xuân Tráng